

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Thị Thu Huyền**
Giảng viên hướng dẫn : **Th.s Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH SẢN XUẤT & KINH DOANH
MÚT XÓP VIỆT THẮNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn : Th.s Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Huyền

Mã SV: 1364010073

Lớp: QTL 301K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty
TNHH Sản xuất & Kinh doanh Mút xốp Việt Thắng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng.
- Đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp : Công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	Error! Bookmark not defined.
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.2 Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	4
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
1.1.4.1 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu	Error! Bookmark not defined.
1.1.4.2 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến chi phí.	8
1.1.4.3 Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	9
1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng.....	9
1.2 Nội dung tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	11
1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	18
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	21
1.2.2.1 Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán	21
1.2.2.2 Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.2.3 Tài khoản sử dụng.....	23

1.2.2.4 Phương pháp hạch toán.....	24
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	25
1.2.3.1 kế toán chi phí bán hàng.....	25
1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	27
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán.....	29
1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	30
1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	30
1.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	31
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.....	32
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	34
1.2.5.1 Kế toán thu nhập khác.....	34
1.2.5.2 Kế toán chi phí khác.....	35
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SX VÀ KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG.....	40
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng... ..	40
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH SX và KD mút xốp Việt Thắng.....	40
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	43
2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh.....	43
2.1.2.2 Quy trình sản xuất tại công ty.	45
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	48
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	48
2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.....	49

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	52
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	52
2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	55
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	56
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	56
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.....	59
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng.....	59
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty.....	71
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	77
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	86
2.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	93
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	101
2.2.6.1 Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	101
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng.....	102
2.2.6.3 Quy trình hạch toán.....	102
Chương III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG	107
3.1- Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng.	107
3.1.1 Ưu điểm:.....	108
3.1.2 Nhược điểm:.....	110

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng..... 112

KẾT LUẬN

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1 : Kế toán doanh thu bán hàng.....</i>	<i>17</i>
<i>Sơ đồ 1.2 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>20</i>
<i>Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....</i>	<i>23</i>
<i>Sơ đồ 1.4 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ 1.5 : Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....</i>	<i>28</i>
<i>Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>32</i>
<i>Sơ đồ 1.7 : Kế toán chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 1.8 : Kế toán thu nhập khác và chi phí khác</i>	<i>36</i>
<i>Sơ đồ 1.9 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>39</i>
<i>Sơ đồ 1.10 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>58</i>
<i>Sơ đồ 1.11 : Trình tự ghi sổ kế toán Giá vốn hàng bán.....</i>	<i>69</i>
<i>Sơ đồ 1.12 : Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.....</i>	<i>74</i>
<i>Sơ đồ 1.13 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.....</i>	<i>84</i>
<i>Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....</i>	<i>91</i>

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Biểu số 2.2.1.1 : Nhật ký chung</i>	61
<i>Biểu số 2.2.1.2 : Sổ cái TK 511</i>	63
<i>Biểu số 2.2.1.3 : Sổ chi tiết bán hàng</i>	64
<i>Biểu số 2.2.1.4 : Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng</i>	65
<i>Biểu số 2.2.1.5 : Sổ cái TK 131</i>	66
<i>Biểu số 2.2.1.6 : Sổ chi tiết thanh toán với người mua</i>	67
<i>Biểu số 2.2.2.1 : Sổ nhật ký chung</i>	72
<i>Biểu số 2.2.2.2 : Sổ cái TK 632</i>	73
<i>Biểu số 2.2.3.1 : Nhật ký chung</i>	80
<i>Biểu số 2.2.3.2 : Sổ cái TK 641</i>	81
<i>Biểu số 2.2.3.3 : Sổ cái TK 642</i>	82
<i>Biểu số 2.2.4.1 : Sổ Nhật ký chung</i>	88
<i>Biểu số 2.2.4.2 : Sổ cái TK 635</i>	89
<i>Biểu số 2.2.4.3 : Sổ cái TK 515</i>	90
<i>Biểu số 2.2.5.1 : Sổ nhật ký chung</i>	96
<i>Biểu số 2.2.5.2 : Sổ cái TK 711</i>	97
<i>Biểu số 2.2.5.3 : Sổ cái TK 811</i>	98
<i>Biểu số 2.2.6.1 : Sổ nhật ký chung</i>	102
<i>Biểu số 2.2.6.2 : Sổ cái TK 911</i>	103

LỜI NÓI ĐẦU

Nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế với toàn thế giới. Việc gia nhập các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị văn hóa xã hội đã mở ra con đường hội nhập rộng lớn đối với Việt Nam. Đặc biệt việc gia nhập tổ chức thương mại Thế giới (WTO) đã đưa Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức kinh tế lớn nhất toàn cầu, tạo ra những cơ hội vô cùng to lớn để nước ta phát triển kinh tế, từng bước hội nhập và đồng hành phát triển với kinh tế thế giới. Bên cạnh những cơ hội đồng thời sự kiện này cũng đưa đến những thách thức buộc chúng ta phải có những biện pháp nhằm phát triển kinh tế, đủ sức cạnh tranh với thị trường nước ngoài đang ồ ạt tiến vào nước ta.

Trên con đường tiến bước đó, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang đóng góp vai trò to lớn của mình, cùng cả nước đưa Việt Nam ngày càng phát triển, có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh, hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty... được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng, Việt Nam đã dần trở thành một thị trường hết sức sôi động. Trong phần đóng góp đó của các doanh nghiệp, phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp, mà phần hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công chung của doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của Nhà Nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần đẩy nhanh tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài

chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của Thầy Nguyễn Văn Thụ, em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài :”Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút Xốp Việt Thắng”. Luận chương của em gồm 3 chương :

Chương I : Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút Xốp Việt Thắng.

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Tuy đã cố gắng nghiên cứu, tìm tòi nắm bắt tình hình thực tế của công ty, song kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của các cô chú cán bộ trong ban lãnh đạo, các phòng ban liên quan và đặc biệt là các cô chú, anh chị trong bộ phận kế toán của công ty. Em cũng rất mong được sự tham gia góp ý của các thầy cô, của thầy giáo hướng dẫn để em hoàn thiện bài viết của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày...tháng...năm....

Sinh viên

Phạm Thị Thu Huyền

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Sản xuất hàng hóa ra đời đánh dấu sự phát triển của nền sản xuất xã hội và đến nay nó đã phát triển đến một trình độ cao đó là nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường (nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng). Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng, trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói việc tổ chức tốt quy trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch để thực hiện tốt khâu bán hàng đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tăng vòng quay vốn từ đó tích lũy để tái tạo sản xuất và tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền đã chi, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được các khoản doanh thu, thu nhập là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Cùng với tiêu thụ hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là

điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết, giúp ban lãnh đạo đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nói đến doanh thu, trước hết ta phải nói đến quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp. Vì vậy, tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho dòng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo .

Qua quá trình tiêu thụ doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đó là nguồn thu quan trọng, chủ yếu để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn đã bỏ ra, có tiền để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ, có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .

1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh

doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà Nước. Vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị để đưa ra các quyết định hữu hiệu.

Yêu cầu quản lí:

Dựa vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh lưu ý những yêu cầu sau:

- Quản lí tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị của chúng
- Quản lí về số lượng và giá cả của sản phẩm hàng hóa bán ra
- Khai thác và mở rộng thị trường, áp dụng các phương thức bán hàng khác nhau để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp
- Quản lí chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp và các khoản chi phí khác phát sinh trong kì

Nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về tình hình phân phối kết quả các hoạt động
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kì phân tích các hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.1.4 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1 Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu.

- Doanh thu : là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ Các loại doanh thu.

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện bao gồm cả thuế GTGT.

- *Doanh thu thuần :* được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- *Doanh thu tài chính:* là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh có liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ Các khoản làm giảm doanh thu của doanh nghiệp.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần phải có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng doanh thu chiết khấu, nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

✓ *Chiết khấu thương mại:*

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

✓ Hàng bán bị trả lại :

Hàng bán bị trả lại : là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại , quy cách.

✓ **Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán : là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

✓ **Thuế xuất khẩu**

Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

✓ **Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp**

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.4.2 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí.

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

❖ **Các loại chi phí.**

- *Giá vốn hàng bán* : Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí bán hàng*: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà DN không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

1.1.4.3 Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”.

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng.

❖ Bán hàng.

Bán hàng là quá trình chuyển quyền sở hữu hàng hóa gắn với việc chuyển giao phần lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bởi: đây là quá trình chuyển hóa vốn của doanh nghiệp từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ), giúp cho các doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh tiếp theo.

❖ Các phương thức bán hàng

Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp. Xét từ góc độ kinh tế, bán hàng là quá trình chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận lại từ họ số tiền tương ứng.

Để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp cần biết áp dụng linh hoạt các phương thức tiêu thụ sau:

***Phương thức tiêu thụ trực tiếp**

Phương thức tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng chính thức được coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu

về số hàng này. Người mua phải thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán số tiền hàng khi người bán đã giao hàng.

***Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**

Là phương thức bên bán có trách nhiệm chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì mới được coi là bán hàng và khi đó người bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

***Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi**

Là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được nhận hoa hồng. Khi chủ hàng xuất giao hàng cho đại lý thì số hàng đó chưa được coi là tiêu thụ và vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào bên Đại lý thông báo đã bán được hàng hoặc chấp nhận thanh toán cho bên chủ hàng thì khi đó mới xác định là tiêu thụ hàng hóa. Với hình thức tiêu thụ này đòi hỏi các Đại lý ký gửi phải đảm bảo nhận hàng, giao tiền đúng thời gian quy định và bán theo giá mà doanh nghiệp đã định.

***Phương thức trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, sau khi giao hàng cho người mua thì số hàng đó đã được coi là tiêu thụ và doanh nghiệp không còn quyền sở hữu số hàng hóa đó. Người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền thanh toán lần đầu này thấp hơn tổng số tiền mà người mua phải trả cho người bán. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần trong các kỳ tiếp theo sau đó và chịu một tỉ lệ lãi nhất định.

***Phương thức tiêu thụ nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm khoán sản phẩm, hàng hóa, xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty, xuất dùng cho hoạt động sản xuất.

***Phương thức hàng đổi hàng**

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hoá của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận

doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra, Khi DN nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường.

$$\begin{array}{l} \text{DT sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{đem trao đổi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán của sản phẩm trên thị} \\ \text{trường tại thời điểm trao đổi} \end{array}$$

1.2 Nội dung tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

* Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì:

a) **Ghi nhận doanh thu bán hàng:** doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.

- + Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.
- + Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.
- + Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

b) Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Cung cấp dịch vụ: nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.
- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ.
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
 - + Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...
- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng Tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

• ***Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.***

- Hạch toán doanh thu hàng hoá phải tôn trọng nguyên tắc chi phí, doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh phải phù hợp với niên độ kế toán.

- Chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ, các khoản doanh thu bán hàng bán hàng của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ hạch toán. Không hạch toán vào các tài khoản doanh thu những khoản doanh thu chưa chắc chắn có khả năng được thực hiện.

- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu bán hàng nội bộ) phải được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ.

- Trường hợp bán hàng thông thường thì mức giá để ghi doanh thu là giá bán ghi trên hoá đơn:

+ Đối với doanh nghiệp chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán chưa thuế.

+ Đối với doanh nghiệp không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng hoặc chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì mức giá ghi nhận doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán(

bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XNK).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán thu tiền một lần. Phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu được và giá bán thu tiền một lần được tính vào thu nhập tài chính(phần này không phải chịu thuế giá trị gia tăng).
- Trường hợp doanh nghiệp bán hàng qua các đại lý theo phương thức bán đúng giá hoa hồng doanh thu tính theo giá bán mà doanh nghiệp quy định cho các đại lý(không được trừ vào tiền hoa hồng).
- Đối với cơ sở đại lý nhận bán hộ và bán theo giá quy định thì doanh thu được tính bằng tiền hoa hồng được hưởng(không phải chịu thuế GTGT).
- Đối với trường hợp hàng đổi hàng thì mức giá để ghi nhận doanh thu được tính theo giá thông thường của sản phẩm xuất đổi.
- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, quy cách kỹ thuật...người mua từ chối thanh toán gửi trả lại cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại” hoặc 532 “ Giảm giá hàng bán”, tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”.
- Đối với trường hợp cho thuê có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm trả tiền trước.

➤ ***Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.***

Doanh thu thể hiện doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02- VT)
- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 01-BH)
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu S07-DN)
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu S31-DN)
- Sổ cáo 511,111,131...
- Sổ theo dõi thuế GTGT (Mẫu S61-DN)

➤ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu bán hàng của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ.
- Trị giá khoản hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ.
- Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ.
- Số thuế thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên có :

- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 6 TK cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- 5112: Doanh thu bán sản phẩm.
- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- 5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư.
- 5118 : Doanh thu khác.
- ✓ **TK 512- Doanh thu nội bộ:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại, khoản hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ.
- Số thuế thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh .

+ Bên có :

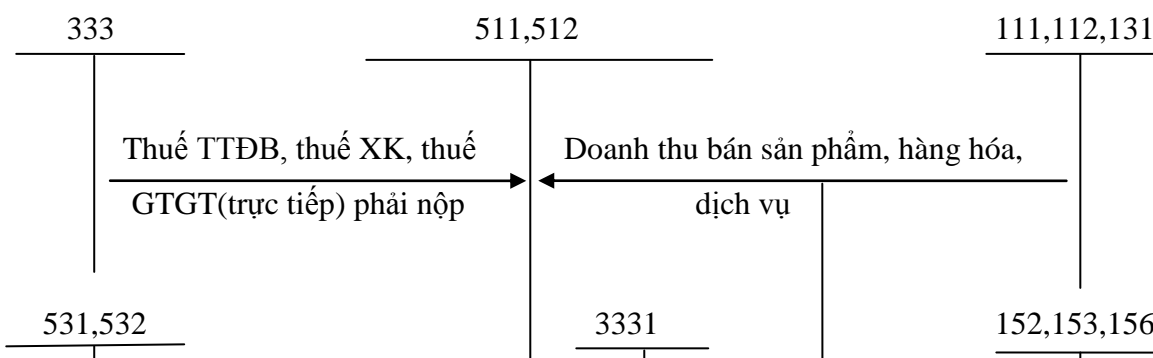
- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

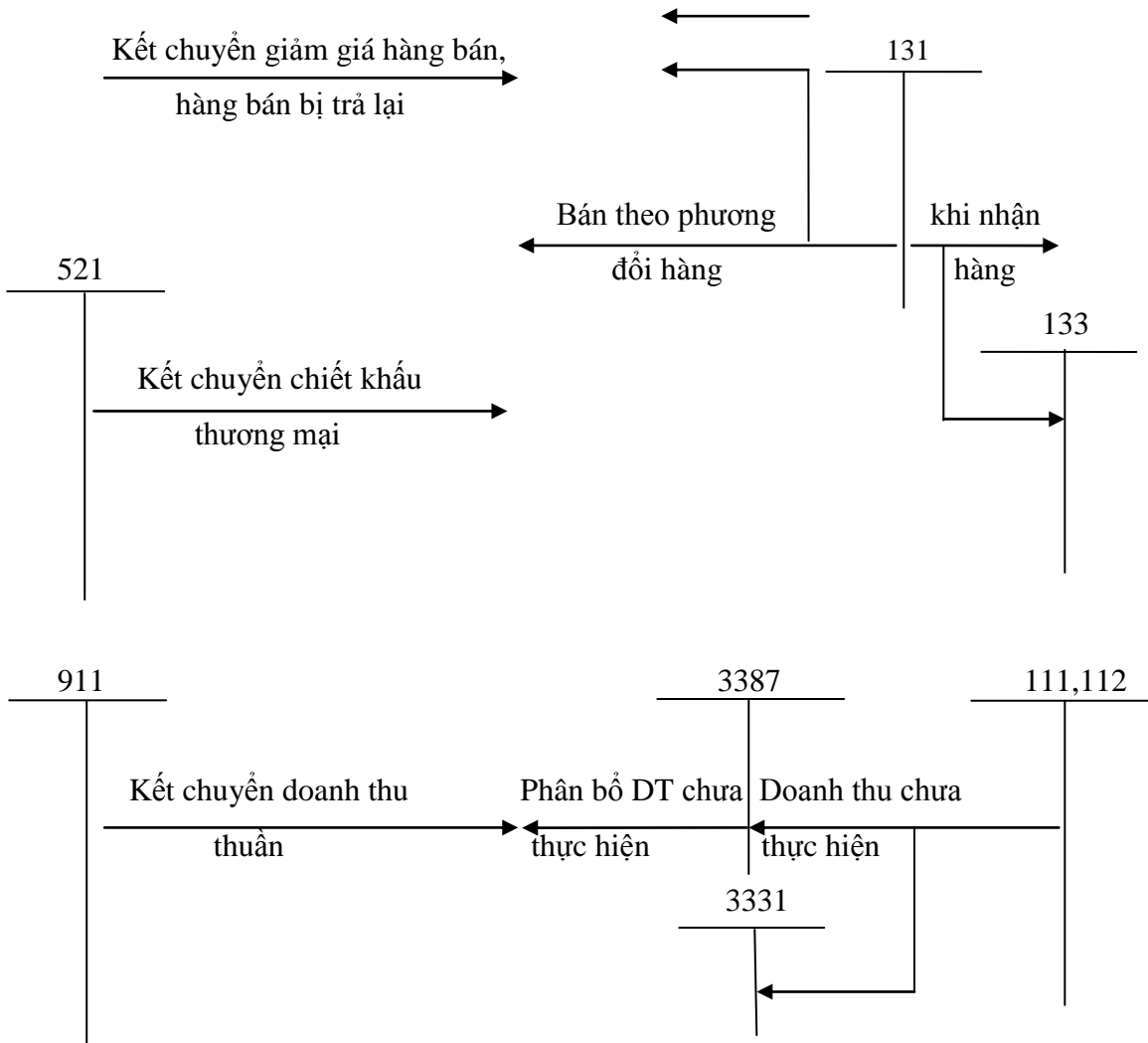
TK521 không có số dư cuối kỳ và có 3 TK cấp 2 như sau:

- 5211: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ.
- 5212: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- 5213: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.
- ✓ **TK3387- Doanh thu chưa thực hiện:** Tài khoản này phản ánh khoản chênh lệch giữa hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1 Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng





1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTKT-3LL)
- Phiếu chi (Mẫu 02- TT)
- Phiếu nhập (Mẫu 01- VT)

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng:

✓ ***TK521-Chiết khấu thương mại:***

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ do người mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận hoặc cam kết ghi trong hợp đồng.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.

+Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán.

TK521 không có số dư cuối kỳ.

✓ ***TK531- Hàng bán bị trả lại:***

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn) do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641-chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu.

+Bên có:

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

✓ **TK532-Giảm giá hàng bán:**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh do hàng kém chất lượng, không đúng mẫu mã..

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ.

+Bên có:

- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

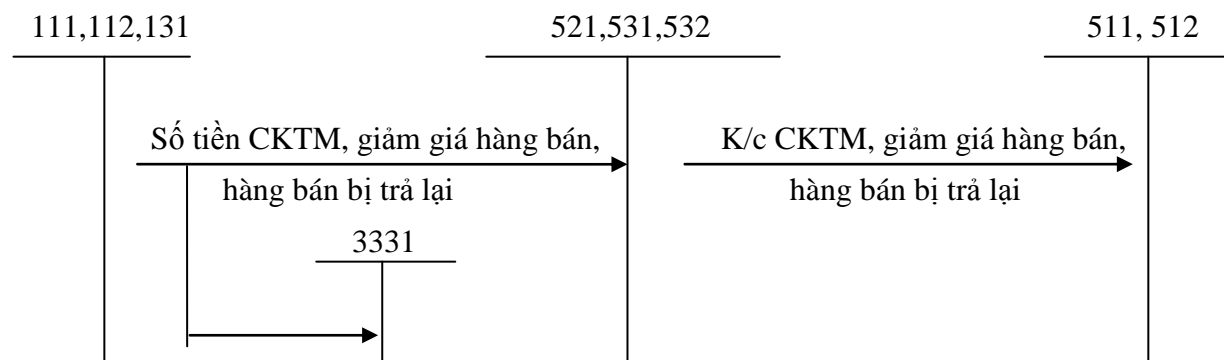
❖ Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước” phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như : thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp TK 3331, thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế Xuất khẩu (TK 3333).

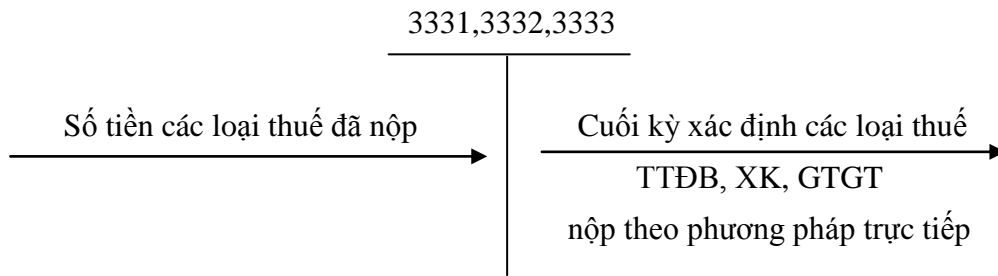
Giá bán hàng (bao gồm cả thuế TTĐB)

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \frac{\text{Giá bán hàng (bao gồm cả thuế TTĐB)}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{thuế suất}$$

c) Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ1.2 Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu





1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán

Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc xác định trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Theo chuẩn mực số 02 thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} \\
 = \\
 \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} \quad * \quad \text{Đơn giá bình quân}
 \end{array}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ dự trữ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá bình quân gia quyền} \\
 = \\
 \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}
 \end{array}$$

cả kỳ dự trữ

đầu kỳ

hóa nhập trong kỳ

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

❖ **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng

❖ **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

Trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng hóa, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng thông thường

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kê toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- ❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

✓ **TK 632-Giá vốn hàng bán:** Tài khoản này phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất kho bán trong kỳ.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ.

+Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.
- Kết chuyển giá vốn hàng bán vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Các TK khác có liên quan : TK 155,156, 157, 159, 911.

- ❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

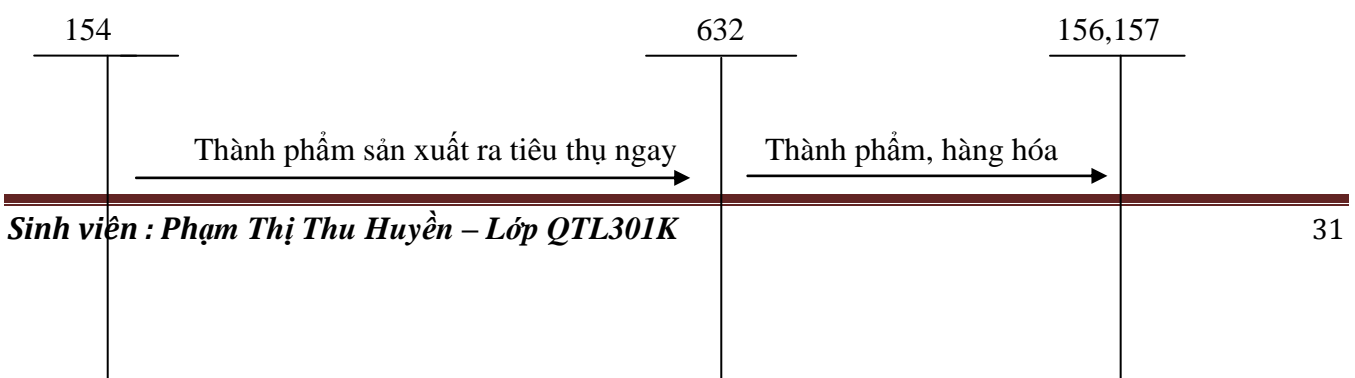
✓ **TK 611- Mua hàng:** Tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. TK 611 có 2 TK cấp 2:

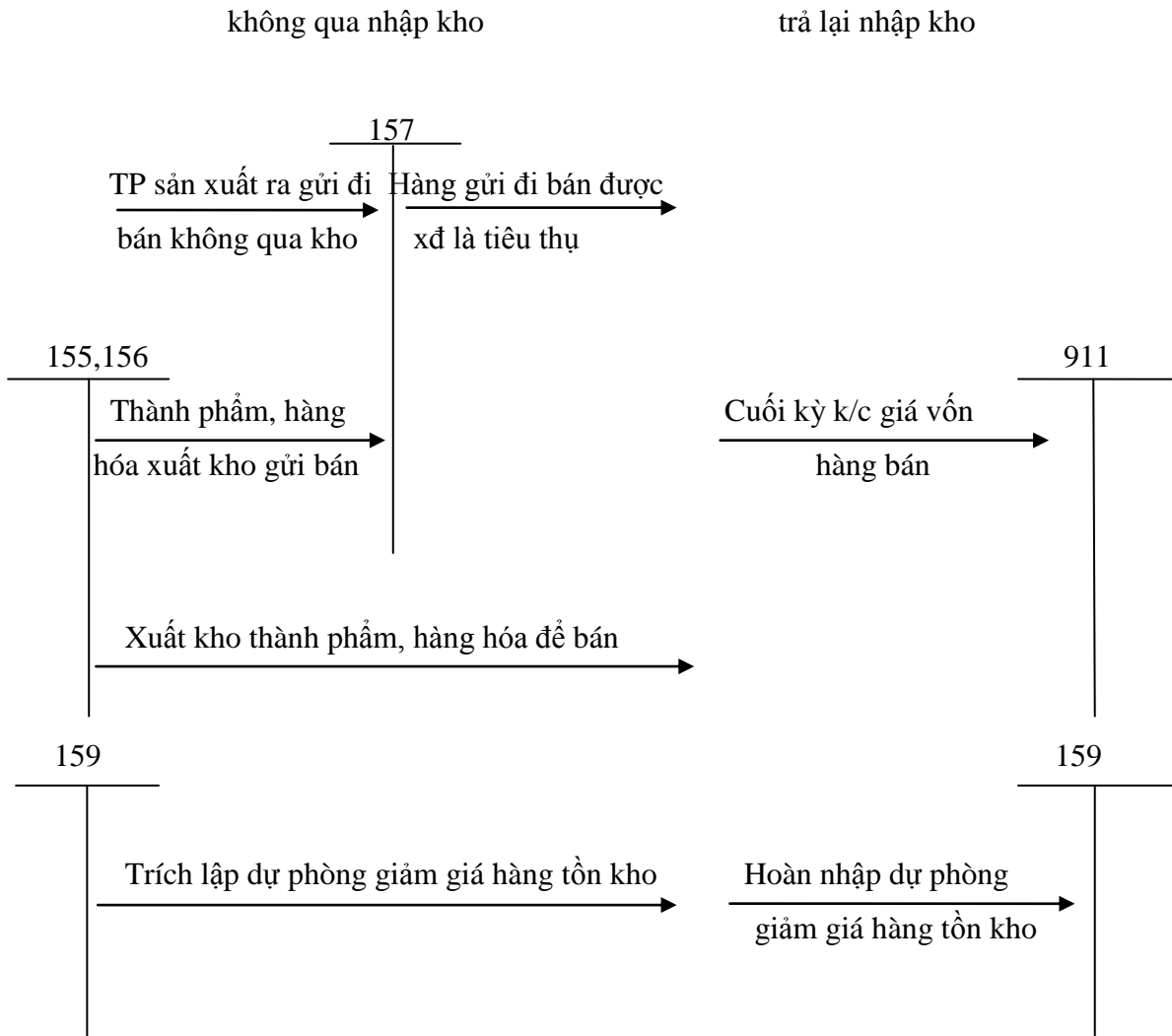
- 6111: Mua nguyên vật liệu
- 6112: Mua hàng hóa

✓ **TK 631- Giá thành sản xuất**

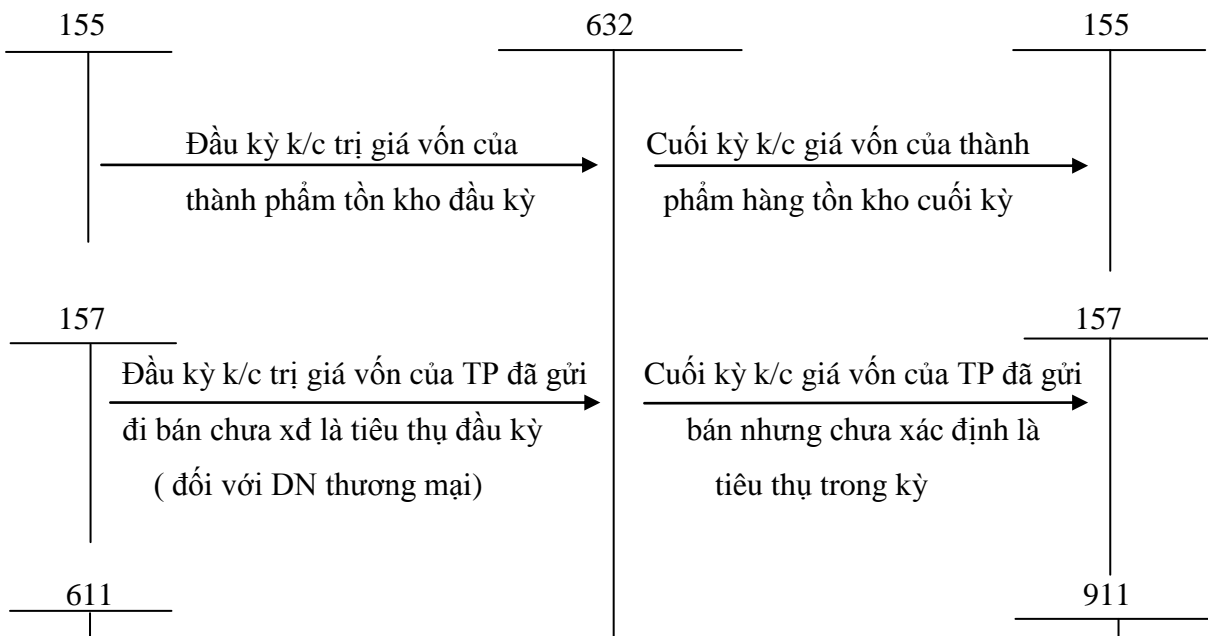
1.2.2.4 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.3 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên





Sơ đồ 1.4 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Cuối kỳ xđ và k/c trị giá vốn của
HH đã xuất bán được xđ là tiêu thụ → Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng
bán của thành phẩm, hàng hóa,
dịch vụ

631

Cuối kỳ xđ và k/c giá thành của SP
hoàn thành nhập kho, giá thành đơn
vị đã hoàn thành →
(DN sx và kinh doanh dịch vụ)

1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng.

Kế toán chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm một số nội dung sau :

- + Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng.
- + Chi phí vật liệu bao bì: là chi phí đóng gói, bảo quản sản phẩm.
- + Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- + Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.
- + Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định bảo hành.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: chi phí thuê TS, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

+ Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ, sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 01-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC (Mẫu số 07-VT).
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT).
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **TK641-Chi phí bán hàng.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

+Bên có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán.
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- 6418: Chi phí khác bằng tiền.

1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp : Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- + Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- + Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- + Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

- + Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

- + Chi phí dự phòng: gồm khoản trích dự phòng, khoản phải thu khó đòi.

- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- + Chi phí bằng tiền khác: gồm các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 01-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC (Mẫu số 07-VT).
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT).

- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tài khoản này dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

+Bên có:

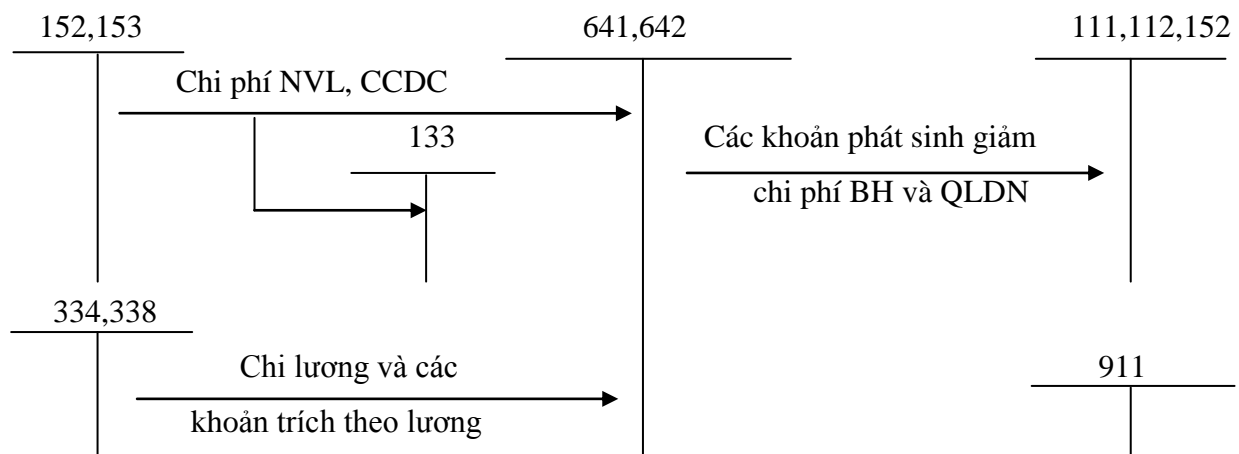
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
 - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

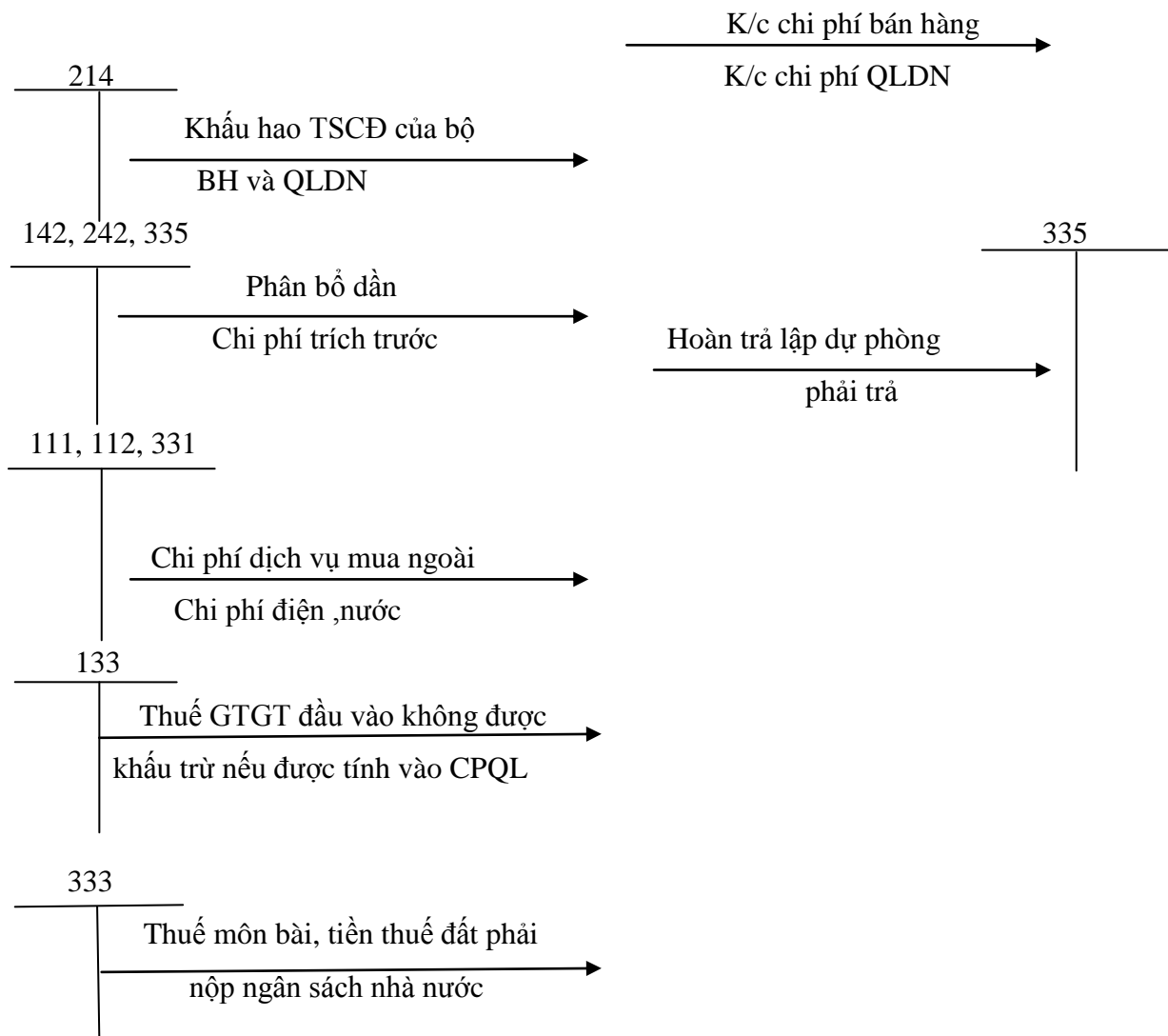
TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5 Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp





1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Kế toán doanh thu tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu kỳ sau.

❖ Chứng từ sử dụng:

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết

- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

✓ **TK 515-Doanh thu tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Kế toán chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết ...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Các chứng từ có liên quan đến chi phí tài chính:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng

- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **TK 635-Chi phí tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

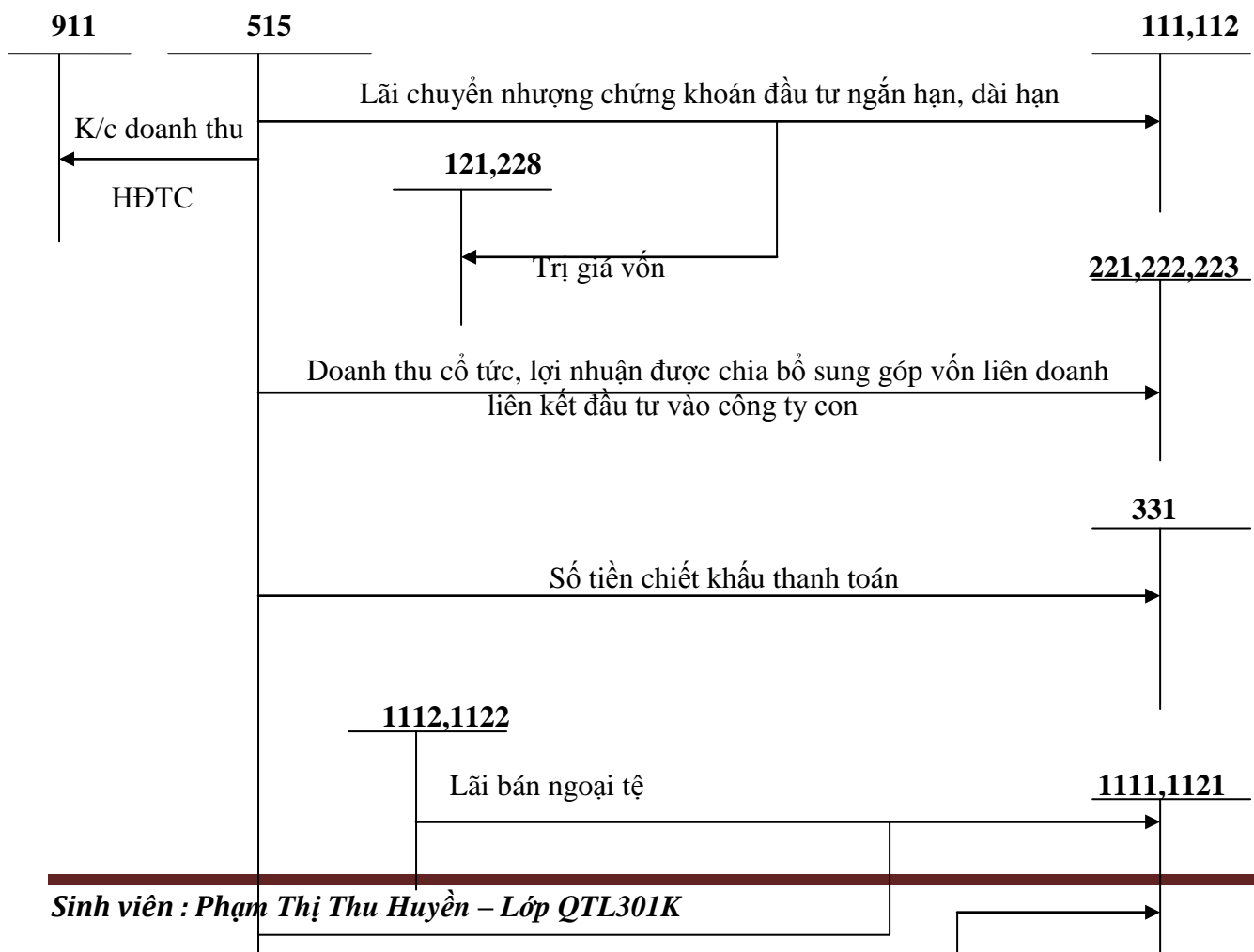
+Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.3.Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6 Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Số chênh lệch tỉ giá TT bán > tỉ giá trên sổ kế toán

128,228,221,222,223

152,156,211,627,642

111,112

3387

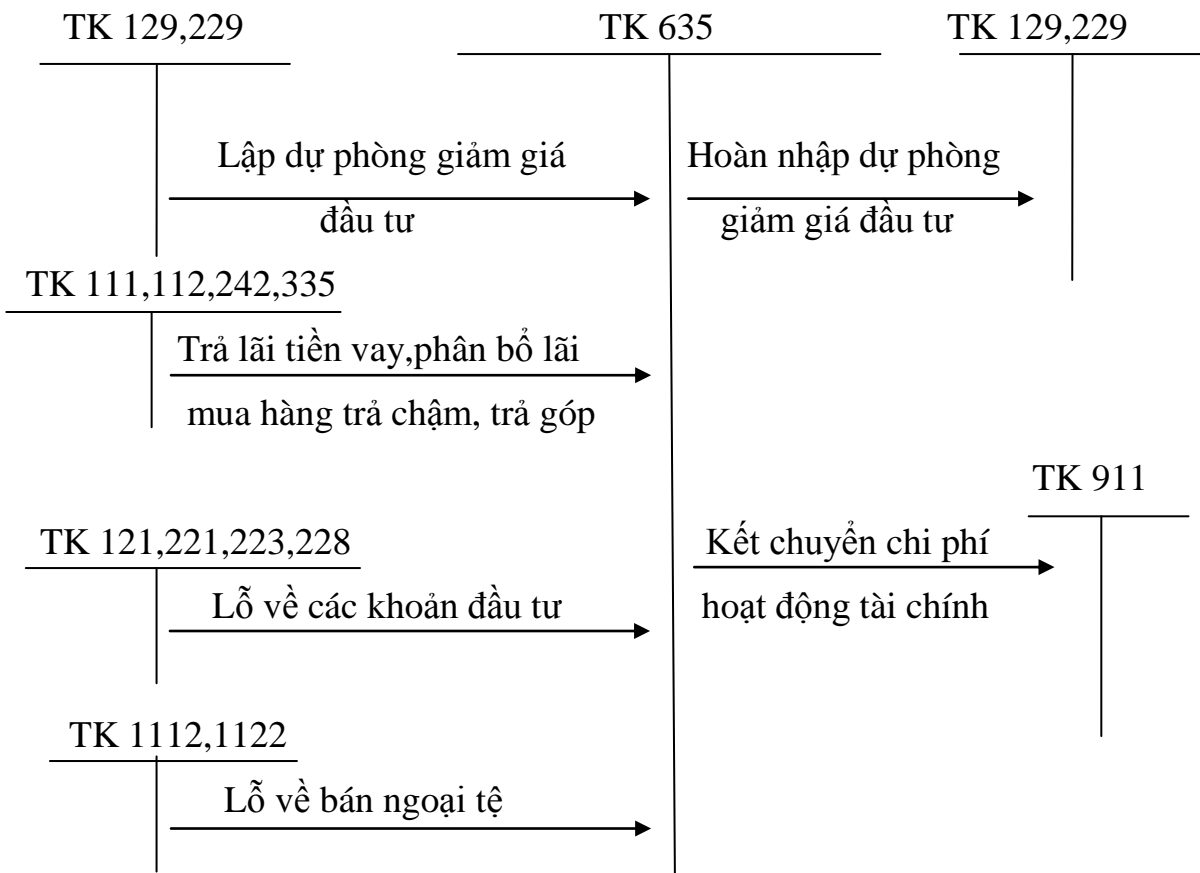
Mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ ngoại tệ
Tỉ giá giao dịch TT > tỉ giá trên sổ kế toán

Định kì phân bổ còn lại lãi tỉ giá hối đoái, K/c tiền lãi
bán hàng trả chậm, trả góp

413

K/c lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ trả cuối năm trước

Sơ đồ 1.7 Hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1 Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế. Thu nhập khác bao gồm một số nội dung sau:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- + Các khoản thuế được Ngân hàng Nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

+ thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, các cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

✓ **TK 711-Thu nhập khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Kết cấu

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh

TK711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2 Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà DN không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên gồm:

+ Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại TS đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế

+ Các khoản chi phí khác.

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu chi

- Giấy báo nợ

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng***

✓ ***TK811- Chi phí khác:*** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

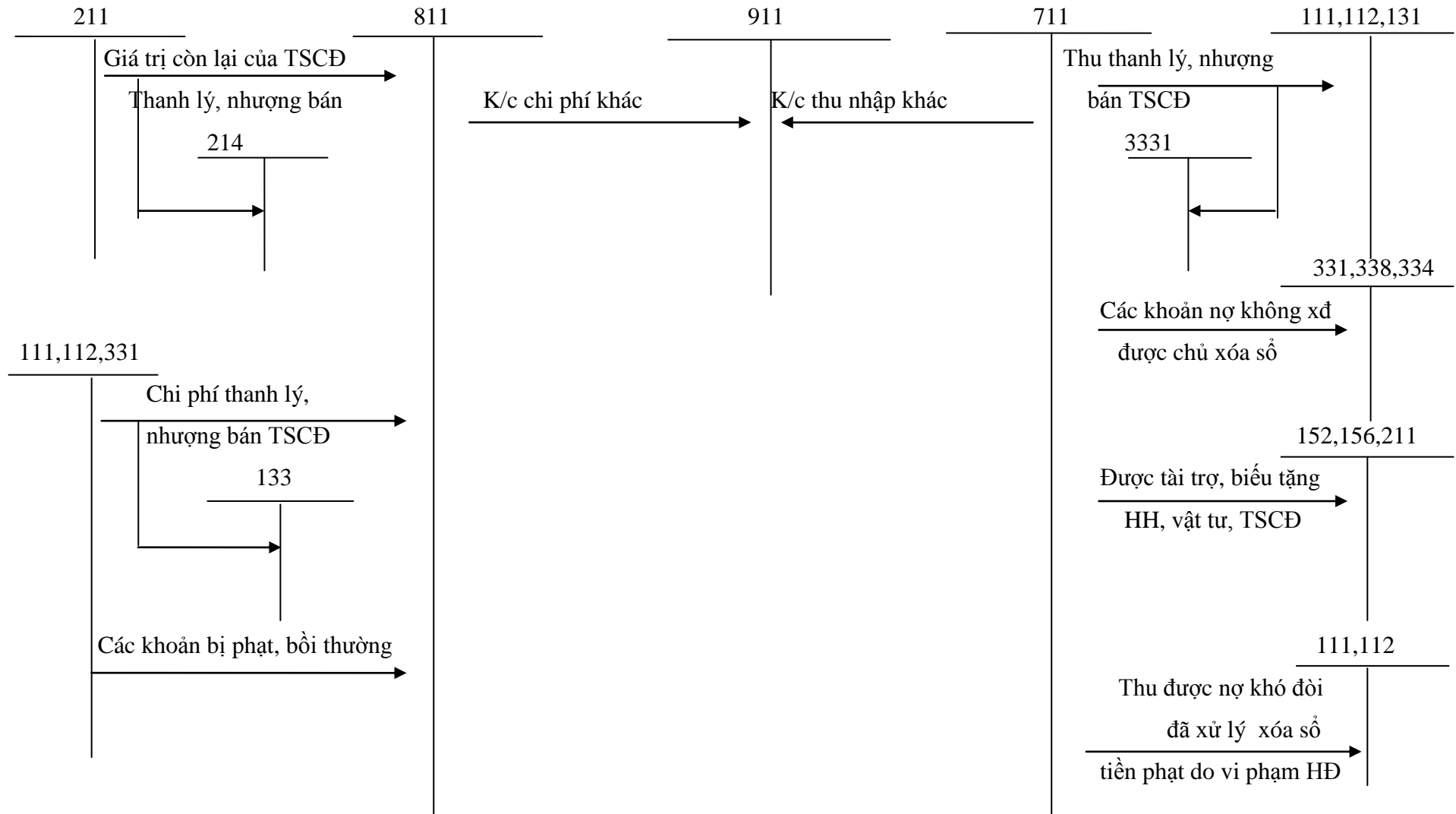
+Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Phương pháp hạch toán***

Sơ đồ 1.8 Hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán được lập hàng ngày dựa vào các hoá đơn chứng từ gốc.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **TK911-Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu

+Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

+Bên có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Nguyên tắc hạch toán:**

Xác định kết quả kinh doanh phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kì kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (Hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt

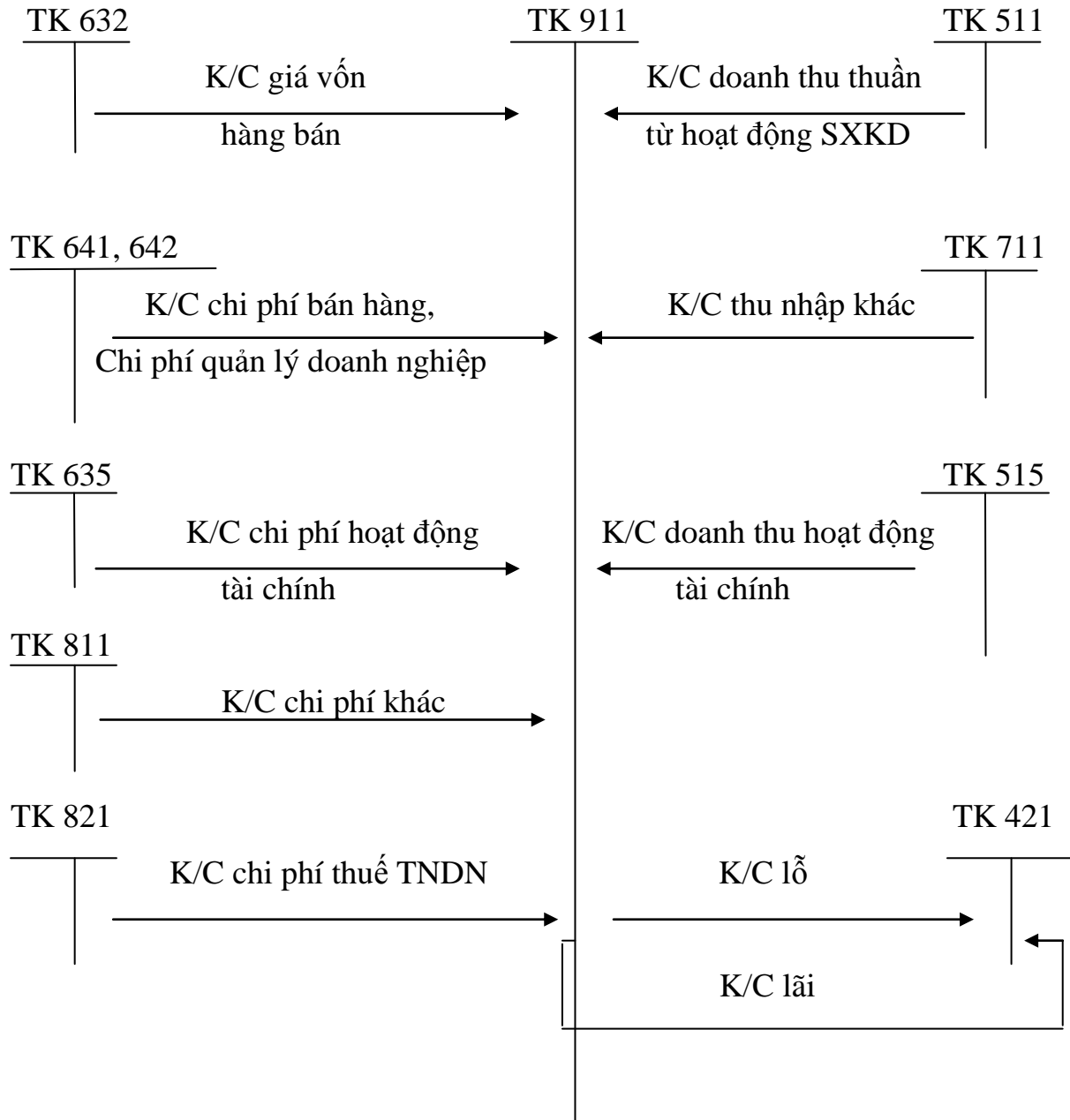
động tài chính....). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển và tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và một số tài khoản khác.

❖ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 1.9 Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MÚT XÓP VIỆT THẮNG.

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút xốp Việt Thắng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút xốp Việt Thắng.

❖ Giới thiệu về công ty

Tên Tiếng Việt : Công ty TNHH Sản xuất & Kinh Doanh Mút xốp Việt Thắng

Tên Tiếng Anh : Viet Thang Manufacturing and Trading Foam Company Limited .

Tên giao dịch : Viet Thang Foam Co., LT

Trụ sở chính : Số 80 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200727018

Điện thoại: 031.3838713

Fax: 031.3520308

Email: vietthangpu@vnn.vn

Website: <http://www.vietthangpu.vn>

❖ Địa chỉ nhà máy sản xuất:

Tên: Công ty TNHH Sản Xuất & Kinh Doanh Mút xốp Việt Thắng.

Địa chỉ: Tổ 3 xã Lê Lợi, Thị Trấn An Dương, huyện An Dương, TP. Hải Phòng.

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút xốp Việt Thắng đăng ký giấy phép kinh doanh số 0202004475, do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Phòng cấp ngày ngày 12 tháng 1 năm 2007. Công ty có tư cách pháp nhân và có mở tài khoản tại ngân hàng Vietcombank Hải phòng với tài khoản số 0031000692191.

❖ *Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của công ty .*

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng tiền thân là một xưởng sản xuất mút và gia công đồ gỗ quy mô rất nhỏ hộ kinh doanh cá thể thành lập năm 1995. Trong những ngày đầu thành lập xưởng chỉ có một lượng tài sản vật chất ban đầu khá khiêm tốn với 02 dây chuyền may cùng số lượng công nhân viên là 20 người.

Sau 5 năm khi đi vào hoạt động, xưởng đã tìm được thị trường và một số lượng khách quen thuộc. Để phục vụ nhu cầu sản xuất, năm 1995 xưởng mở rộng sản xuất thêm 02 dây chuyền may nâng tổng số lên 04 dây chuyền cùng với số lượng công nhân viên lên đến 80 người. Cùng năm đó, thành lập xưởng mút Trường Thành chuyên sản xuất mút cho ngành nội thất và cho thể thao.

Năm 2000 bước sang thế kỷ mới, cùng với sự đổi mới nhanh chóng của đất nước và nền kinh tế thị trường, xưởng đã thành lập doanh nghiệp tư nhân mút xốp Việt Thắng chuyên sản xuất mút và các loại đệm lò xo cao cấp. Số lượng công nhân viên cũng đã tăng lên gấp 2,7 lần so với năm 1995 thành 250 người.

Tháng 2 năm 2007, doanh nghiệp tư nhân mút xốp Việt Thắng đã chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng và đăng ký thêm một số ngành kinh doanh khác.

Đến nay công ty tiếp tục mở rộng và thêm 06 chuyền may nữa, hiện tại công ty gồm có 10 chuyền may với số lượng công nhân viên toàn nhà máy xấp xỉ 500 người. Sau gần 15 năm khi đi vào hoạt động , công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng đã tìm kiếm được thị trường tiềm năng và ký kết những hợp đồng với giá trị lớn của các khách hàng trong và ngoài nước.

Thế mạnh của công ty là có đội ngũ công nhân lành nghề, chuyên gia giàu kinh nghiệm, được tu nghiệp tại: Đức, Hàn, Nhật, Trung Quốc, cùng với đội ngũ quản lý giỏi về chuyên môn, tinh thông về nghiệp vụ cùng với sự nhiệt tình năng nổ. Kết hợp với máy móc thiết bị và công nghệ tiên tiến nguyên liệu cao cấp nhập khẩu từ Đức, Nhật, Hàn, Mỹ. Công ty đã sản xuất và cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, phong phú về chủng loại, đa dạng về kiểu dáng, màu sắc và hoa văn. Nhà máy được xây dựng tại vị trí thuận lợi nơi có nguồn lao động đông đảo, nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng với giá cả hợp lý, giao thông thuận lợi góp phần không nhỏ trong việc tiết kiệm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm.

Với những nhận thức sản phẩm của công ty sẽ góp một phần nhỏ vào sự ấm cúng của gia đình, nồng nàn hơn cho hạnh phúc lứa đôi, êm ái hơn cho giấc ngủ sau một ngày lao động mệt mỏi, sang trọng hơn cho những căn phòng. Công ty đã không ngừng cải tiến nhằm thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu khách hàng. Với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quản lý chất lượng quốc tế có trụ sở tại Gionevo – Thụy Sĩ uỷ quyền cho bộ khoa học công nghệ cấp chứng nhận và độc quyền thương hiệu do cục sở hữu trí tuệ cấp.

Bên cạnh những thuận lợi đó công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Công ty sản xuất mặt hàng mút xốp, đệm mút, đệm lò xo là những mặt hàng có nhu cầu cao của người tiêu dùng nên có nhiều đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước là điều không tránh khỏi. Nhất là đối với những sản phẩm đã có thương hiệu nổi tiếng nhiều năm như : Kim Đan ở trong nước và các hãng của Hàn quốc đã được ưa chuộng rất nhiều như: Everon, Hanvico...Không những vậy, hàng hoá của công ty lại xuất sang thị trường rất khó tính đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng và phải qua qui trình kiểm tra nghiêm ngặt. Đồng thời doanh nghiệp cũng ở trong tình trạng chung của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là qui mô sản xuất nhỏ, chi phí của các dịch vụ có giá cao, năng lực tài chính còn chưa đủ mạnh. Thêm vào đó hệ thống pháp luật, chính sách chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn giúp cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về cơ chế vốn và thị trường. Đặc biệt trong vài năm gần đây, chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong thực tế Công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng đã phát huy được những thuận lợi và khắc phục khó khăn để thực hiện các mục tiêu đề ra. Công ty xác định nhiệm vụ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khẳng định chỗ đứng trên thị trường truyền thống đồng thời mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về sản phẩm. Không ngừng cải tiến công nghệ, cải tiến quản lý, tăng năng suất đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh.

* Các ngành kinh doanh chính của công ty theo đăng ký kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan.	15
2.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: mút, xốp	31009
3.	Bán buôn vải.	46411
4.	Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác.	46412
5.	Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng giả da khác.	46491
6.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế, và đồ dùng nội thất tương tự.	46496
7.	Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	46692
8.	Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Vật tư, phụ liệu ngành mút xốp.	46699
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
10.	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.	49321
11.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.	4933
12.	Vận tải đường thủy.	50
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	52219
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	5222

- Danh mục sản phẩm chính :
 - ✓ Bộ chăn – ga – gối – đệm
 - ✓ Đệm bông ép : Vikomat, đệm bông gấp đôi đủ màu
 - ✓ Đệm lò xo : Max, Milan, Lò xo Vimat, La Bed, Hankang
 - ✓ Đệm mút : Mút Smi, Mút Hawill, Mút Dremlan, Mút vỏ thun
 - ✓ Đệm gấp
 - ✓ Các sản phẩm khác.

2.1.2.2 Quy trình sản xuất tại công ty.

a) Quy trình sản xuất nút.

STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Chuẩn bị nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> Quy định kiểm tra nguyên vật liệu Sổ theo dõi xuất nhập tồn Thẻ kho 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên quản lý vật tư
2	Đổ nút	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đổ nút thủ công Hướng dẫn đổ nút dàn Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
3	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn vận hành máy đổ nút Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
4	Cắt nút	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn cắt nút Hướng dẫn vận hành máy cắt nút Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
5	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn kiểm tra cắt nút / Kiểm soát SP không phù hợp Hướng dẫn vận hành máy cắt nút Tem KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
6	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đóng gói Nhật ký sản xuất Giấy bảo hành 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất

b) Quy trình sản dệt lò xo.

STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Chuẩn bị nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> Sổ theo dõi tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên quản lý vật tư
2	Làm lò xo, làm khung, bắn ghim	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đan lò xo / làm khung Quy định vận hành máy Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS
3	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đan lò xo / làm khung QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
4	Trần vải	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn chần vải Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
5	May	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may mặt đệm lò xo Hướng dẫn may viền đệm Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
7	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may mặt đệm lò xo Hướng dẫn may viền đệm QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS
6	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn bọc đệm Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
7	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn bọc đệm QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS

c) Quy trình sản xuất đệm mút.

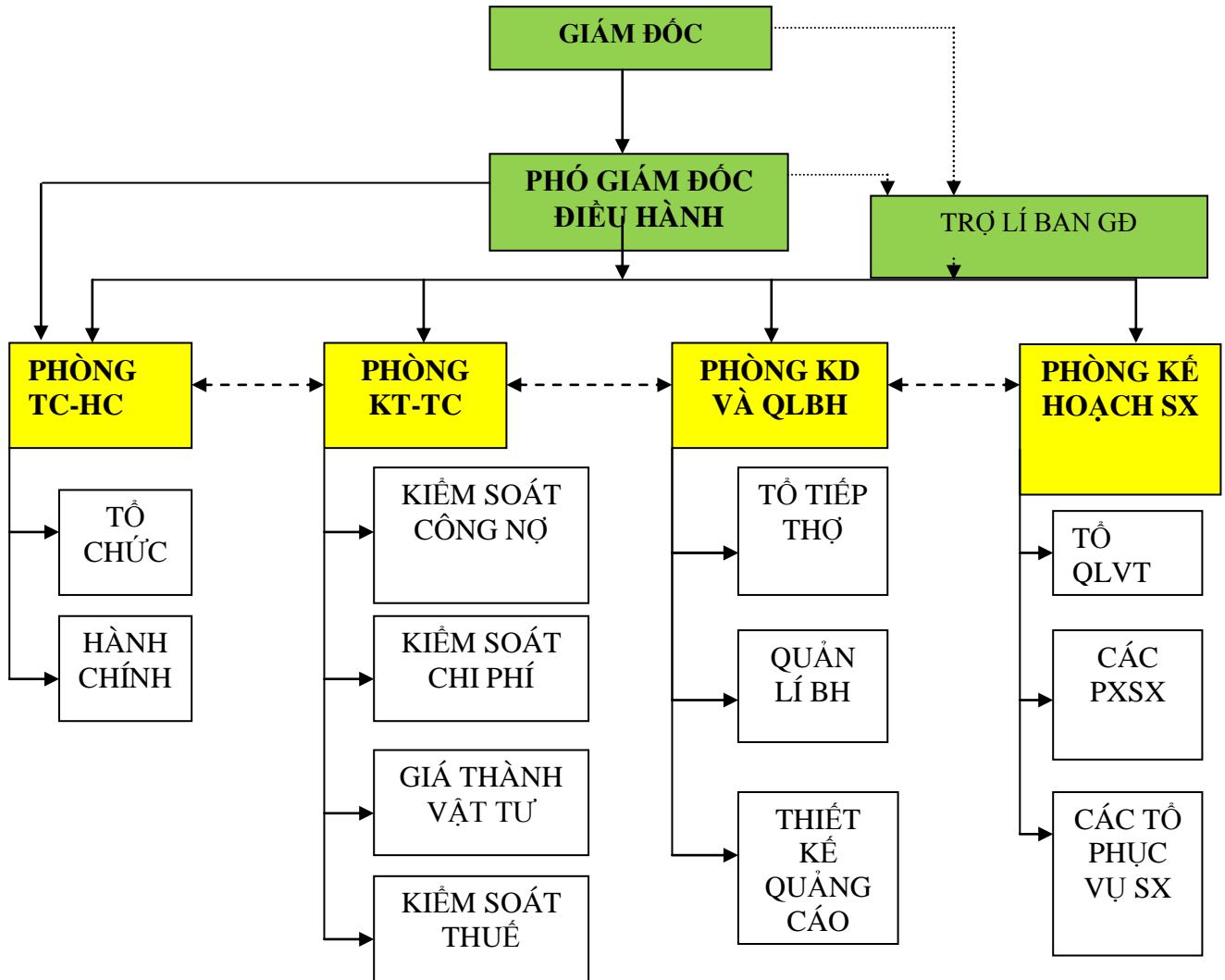
STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Mút khối	<ul style="list-style-type: none"> Sổ theo dõi tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên quản lý kho
2	Cắt mút	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn cắt mút Hướng dẫn vận hành máy cắt mút Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
4	Trần vải	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn chần vải Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
5	May	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may mặt đệm Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
7	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đóng gói Nhật ký sản xuất Giấy bảo hành 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
6	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may viền đệm Hướng dẫn bọc đệm QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công ty và phù hợp với cơ chế kinh doanh hiện nay, công ty tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng gồm có : giám đốc, các phòng ban chức năng hoạt động một cách linh hoạt trong nền kinh tế thị trường.

Sơ đồ : Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng



2.1.3.2 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban.

❖ *Ban Giám đốc.*

Trách nhiệm:

- Xây dựng và điều hành hệ thống chất lượng đảm bảo các sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện đạt chất lượng theo các yêu cầu của khách hàng, cải tiến không ngừng nâng cao chất lượng phù hợp và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Xây dựng và công bố chính sách, mục tiêu chất lượng của Công ty, đảm bảo quán triệt đầy đủ tới mỗi CBCNV trong toàn Công ty, phân phối bố trí các nguồn lực cần thiết đảm bảo Hệ thống QLCL của Công ty hoạt động ổn định, hiệu quả. Phân công cụ thể các trách nhiệm và quyền hạn tới từng vị trí trong công ty.
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm, chương trình hoạt động, các phương án bảo vệ và khai thác tiềm năng của Công ty, các dự án mới, dự án đầu tư chiều sâu, đầu tư liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm cán bộ trong Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển liên tục và bền vững.

Quyền hạn:

Ban Giám đốc có quyền ra quyết định và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty. Đồng thời phê duyệt các văn bản trong Hệ thống Quản lý chất lượng và phê duyệt, kiểm soát toàn bộ các chi phí trong toàn công ty. Ký kết các hợp đồng kinh tế và hoá đơn bán hàng. Ban Giám đốc còn là Hội đồng khen thưởng, Kỷ luật của Công ty, ra các quyết định khen thưởng và kỷ luật đối với CBCNV có thành tích hoặc vi phạm kỷ luật.

❖ *Phòng Tổ Chức – Hành Chính*

Trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Chịu trách nhiệm lập kế hoạch tuyển dụng nhân viên văn phòng, công nhân sản xuất.

- Lập kế hoạch đào tạo công nhân mới và nâng cao tay nghề cho công nhân.
- Thăm hỏi, động viên kịp thời các CBCNV khi có các việc hiếu, hỷ, ốm đau...
- Chịu trách nhiệm ban hành các quy trình, quy phạm, nội quy an toàn lao động, PCCN.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

Quyền hạn:

Phòng tổ chức hành chính được quyền phân công công việc, nhiệm vụ cho các nhân viên thuộc Phòng Nhân sự và được quyền yêu cầu các bộ phận cộng tác, cung cấp nhân sự, tài liệu, hồ sơ và số liệu cần thiết cho công việc.

Phòng tổ chức hành chính còn có các quyền hạn khác do Giám đốc phân công.

❖ ***Phòng Kế toán - Tài Chính.***

Trách nhiệm:

Phòng kế toán tài chính chịu trách trước Giám đốc về tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thành tất cả các thủ tục về tài chính và giao dịch với Ngân hàng, thuế... Theo dõi công nợ của các khách hàng đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi công nợ của các nhà cung cấp.

Phòng kế toán tài chính chịu trách nhiệm theo dõi các khoản chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tính lương cho công nhân.

Phòng kế toán tài chính thu thập tất cả các hoá đơn VAT.

Quyền hạn:

- Ra quyết định và điều hành các hoạt động thuộc lĩnh vực kế toán trong toàn Công ty,
- Được quyền phân công công việc và nhiệm vụ cho các nhân viên thuộc Phòng Kế toán.
- Được quyền kiểm tra sổ sách, chứng từ bán hàng.

- Được quyền kiểm tra sổ sách, chứng từ sản xuất.
- Được quyền từ chối thanh toán nếu thấy hoá đơn, chứng từ không hợp lệ.
- Các quyền hạn khác do Giám đốc quy định Kế Toán - Tài Chính.

❖ ***Phòng kinh doanh và quản lý bán hàng***

Phòng Kinh doanh có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng để lên kế hoạch sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình sản xuất. Bên cạnh đó, Phòng Kinh doanh còn phụ trách tình hình thương mại của các cửa hàng, đại lý.

Phòng Kinh doanh cũng có nhiệm vụ tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ ***Phòng Kế Hoạch - Sản Xuất***

Trách nhiệm:

Phòng kế hoạch sản xuất chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình sản xuất của Công ty. Đôn đốc các bộ phận sản xuất thực hiện kế hoạch sản xuất đúng tiến độ đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đã quy định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về chất lượng sản phẩm.

Phòng kế hoạch sản xuất lập kế hoạch bảo dưỡng, bảo trì thiết bị sản xuất đảm bảo thiết bị hoạt động an toàn, hiệu quả, chịu trách nhiệm đôn đốc các bộ phận sản xuất thực hiện tốt các quy trình sản xuất, quy trình an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy.

Phòng kế hoạch sản xuất lập kế hoạch huấn luyện công tác PCCN cho các đơn vị sản xuất. Chịu trách nhiệm quản lý nhân lực của bộ phận sản xuất, bố trí, sắp xếp nhân lực cân đối, hợp lý.

Kết hợp cùng Phòng nhân sự đào tạo công nhân mới, nâng cao tay nghề cho công nhân cũ.

Quyền hạn:

Phòng kế hoạch sản xuất được quyền phân công công việc và nhiệm vụ cho các nhân viên thuộc Phòng sản xuất và quyền tạm thời chuyển công nhân từ bộ phận này sang bộ phận khác.

Đồng thời được quyền bổ nhiệm các tổ trưởng tổ sản xuất sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý.

Phòng kế hoạch sản xuất được quyền tạm đình chỉ công việc đối với những công nhân vi phạm nội quy Công ty. Được quyền tạm dừng sản xuất nếu phát hiện các nguy cơ mất an toàn, nguy cơ cháy nổ...

Và các quyền hạn khác do Giám đốc phân công.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

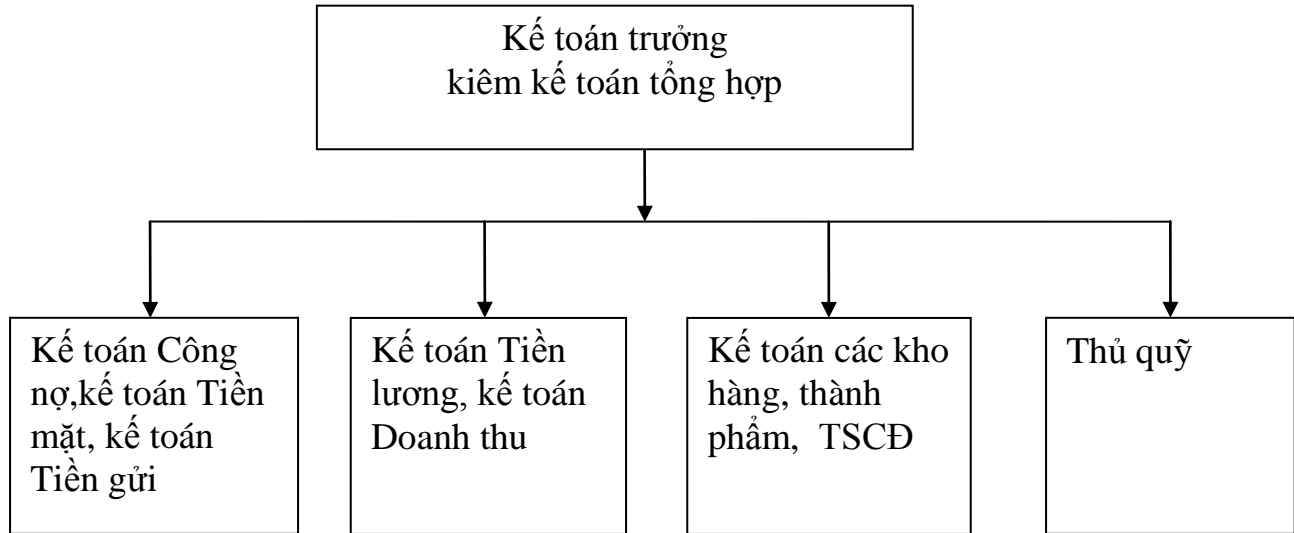
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và quản lý, phù hợp với chức năng và trình độ của nhân viên kế toán, đồng thời xây dựng bộ máy kế toán giảm nhưng đầy đủ về số lượng nhằm làm cho bộ máy kế toán là một tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ công tác kế toán doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập chung. Theo phương pháp này, toàn bộ công tác kế toán đều tiến hành tại phòng kế toán, dưới sự kiểm tra trực tiếp của kế toán trưởng.

Bộ máy kế toán kế toán của công ty gồm 05 người, mỗi người đảm nhận các nhiệm vụ khác nhau. Mỗi nhân viên kế toán chịu trách nhiệm theo dõi ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến phần hành của mình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp sẽ tập hợp các chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Cơ cấu bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

Sơ đồ Tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp



Chức năng nhiệm vụ của từng thành viên.

1. Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Là người lãnh đạo cao nhất trong phòng kế toán, có quyền kiểm tra tính đúng đắn của các chứng từ kế toán trước khi tổng giám đốc duyệt.
- Giúp tổng giám đốc chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính, kế toán thống kê, thông tin kinh tế trong toàn công ty.
- Thiết lập tổ chức quản lý bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của toàn công ty
- Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu thập xử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Chịu trách nhiệm ghi chép theo dõi tập hợp chi phí giá thành sản phẩm, theo dõi nguồn vốn, các loại thuế.
- Tổ chức bảo quản các dữ liệu tài liệu kế toán, giữ bí mật tài liệu sổ sách kế toán
- Lập báo cáo quyết toán tài chính trình lên tổng giám đốc

2. Kế toán công nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Là người phụ trách theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.
- Kết hợp chặt chẽ cùng phòng kinh doanh theo dõi đơn đốc thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.
- Mở sổ theo dõi chi tiết cho từng Ngân hàng bao gồm tài khoản tiền gửi, tài khoản tiền vay theo hướng dẫn của kế toán trưởng.

3. Kế toán tiền lương, kế toán doanh thu .

- Là người hàng tháng tính ra tiền lương, tiền thưởng và lập bảng thanh toán tiền lương trên cơ sở danh sách công nhân viên và bậc lương của công ty, trích lập BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng quy định.
- Theo dõi doanh thu bán hàng trong kỳ, lập báo cáo về doanh thu theo yêu cầu của doanh nghiệp.

4. Kế toán vật tư, thành phẩm và TSCĐ.

- Mở sổ sách theo dõi chi tiết CCDC, TSCĐ, thành phẩm của từng kho hàng.
- Ghi chép sổ sách và cập nhật thường xuyên chứng từ hàng ngày phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách kịp thời.
- Thường xuyên kiểm kê kho hàng và tài sản đối chiếu số liệu trên sổ sách với số liệu thực tế để có biện pháp xử lý kịp thời với các bộ phận liên quan.

5. Thủ quỹ

- Là người chịu trách nhiệm về ngân quỹ của Công ty, thu các khoản tiền mà nhân viên kinh doanh nộp quỹ.
- Chịu trách nhiệm chi các khoản tiền theo phiếu chi hợp lệ và chi các khoản tạm ứng theo phiếu tạm ứng hợp lệ.
- Thủ quỹ phải thường xuyên cùng với kế toán máy tính kiểm tra quỹ.
- Được quyền kiểm tra tất cả các hoá đơn, chứng từ trước khi chi tiền.

- Được quyền từ chối chi các khoản tiền mà chưa có chứng từ hợp lệ.
- Được quyền từ chối nhận tiền giả, tiền rách nát... không lưu hành được.
- Các quyền hạn khác do Giám đốc phân công.
- Các quyền hạn khác do Kế toán trưởng phân công.

2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

- + Chế độ kế toán Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng áp dụng là chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng VN, đơn vị tính đồng.
- + Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: Theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
- + Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:
- ✓ Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo giá gốc
 - + Khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao theo đường thẳng
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - + Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
 - + Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

➤ Vận dụng hệ thống chứng từ

Hệ thống chứng từ của công ty được áp dụng đúng theo các biểu mẫu thuộc chế độ kế toán hiện hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bao gồm:

- Lao động tiền lương: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng tạm ứng lương, hợp đồng lao động, biên bản thanh lý hợp đồng...
- Hàng tồn kho: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng
- Bán hàng: hoá đơn GTGT, bảng kê mua hàng...
- Tiền tệ: phiếu thu, phiếu chi, phiếu đề nghị tạm ứng, phiếu đề nghị thanh toán, Giấy thanh toán tạm ứng, bảng kê nộp (lĩnh) tiền mặt, Giấy thanh toán.
- Tài sản cố định: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ...

➤ ***Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán***

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC. Tuỳ theo hoạt động của từng ban, công ty áp dụng các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng ban.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

a) Hệ thống sổ kế toán

- Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật Ký Chung”.

- Hệ thống báo cáo:

Báo cáo kế toán của công ty theo niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến 31/12 năm báo cáo.

Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B0-DN)

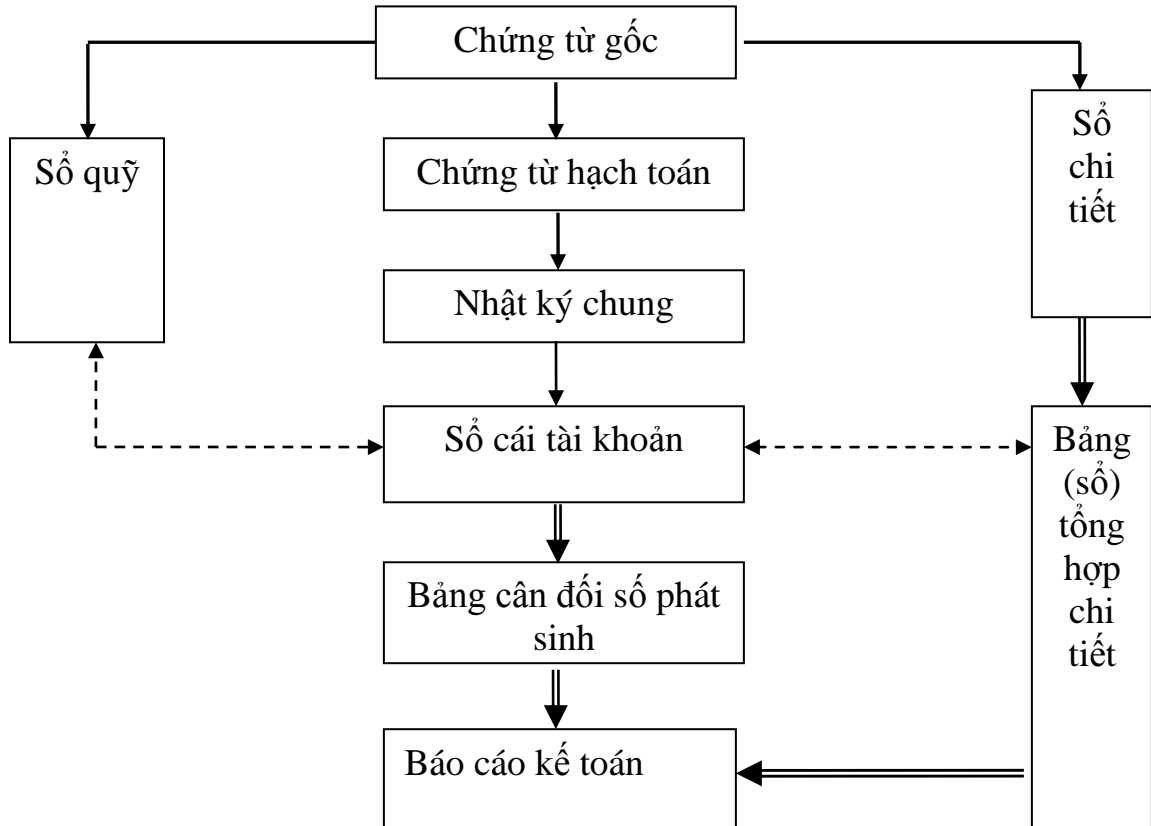
Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế.

b) Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty

Để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và thuận tiện cho công tác quản lý Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để hạch toán. Hình thức kế

toán này kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian với hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Mô hình tổ chức hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:
—————→ Ghi hàng ngày
=====> Ghi định kỳ
←-----> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời từ các chứng từ gốc kế toán ghi sổ chi tiết. Từ nhật ký chung, kế toán ghi các sổ cái TK liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của

số liệu. Sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ, căn cứ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng.

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng là đơn vị kinh doanh chủ yếu là bán các sản phẩm về đệm nút, đệm lò xo, đệm bông gập, nút trần, chăn ga gối đệm...

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng, uỷ nhiệm thu
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng:

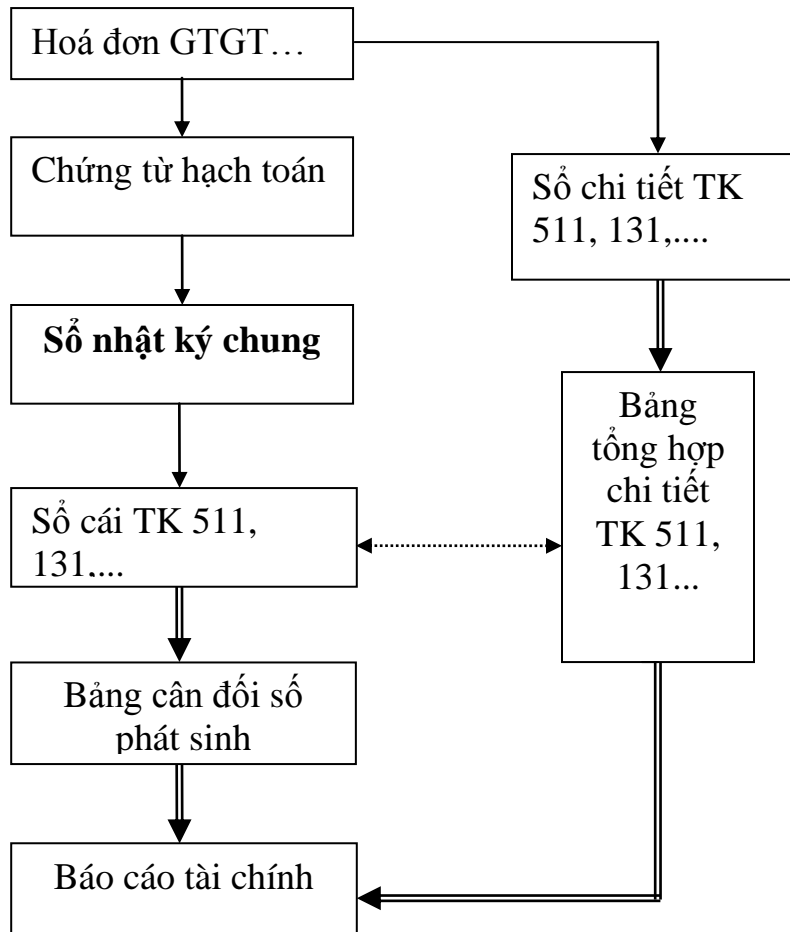
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 111, 112, 131, 511, 3331.

❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
TK 511 được chi tiết thành 2 tiểu khoản :
 - + TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá.
 - + TK 5112 : Doanh thu bán thành phẩm.
 - TK 51121 : Doanh thu bán đệm nút
 - TK 51122 : Doanh thu bán đệm lò xo
 - TK 51123 : Doanh thu bán đệm bông gập
 - TK 51124 : Doanh thu bán nút trần
 - TK 51125: Doanh thu bán chăn ga gối đệm

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.10: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn GTGT, phiếu thu... kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời từ các hoá đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi sổ chi tiết TK 511, TK 131... Từ nhật ký chung, kế toán ghi các sổ cái TK 511, TK 131 và các TK liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết TK 511, 131... kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511, 131. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 511, 131 với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu. Sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, căn cứ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Ví dụ : Ngày 12/12/2010 theo hoá đơn GTGT số 0003585 ,công ty bán 120 chiếc đệm mút cho công ty cổ phần thương mại và sản xuất Đài Loan với giá 1.145.839đ/chiếc thuế suất GTGT 10%, tổng giá thanh toán là 151.250.748 chưa thu được tiền.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0003585 và các chứng từ có liên quan, kế toán lập chứng từ hạch toán số 422/12. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Nợ TK 131 : 151.250.748

Có TK 3331 : 13.750.068

CóTK 5112 : 137. 500.680

Đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 511 (biểu số 2.2.1.3), sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.2.1.6). Từ chứng từ hạch toán số 422/12 kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.1), và từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511(biểu số 2.2.1.2), sổ cái TK 131(biểu số 2.2.2.5)

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131, 511 kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.2.1.7) và bảng tổng hợp doanh thu (biểu số 2.2.1.4)

Sau khi số liệu được kiểm tra đối chiếu giữa sổ cái với các bảng tổng hợp sẽ được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng

Số : PK 422/12 TCKT

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

- Căn cứ quy chế tài chính của công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng.
- Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0003585 ngày 12 tháng 12 năm 2010 về việc bán hàng cho công ty CP TM và SX Đài Loan.
- Căn cứ vào các chứng từ có liên quan

Nay phòng tài chính công ty hạch toán như sau :

Doanh thu:

Nợ TK 131 : 151.250.000

Có TK 3331 : 13.750.000

CóTK 5112 : 137. 500.000

Giá vốn:

Nợ TK 632 108.750.240

Có TK 155 108.750.240

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AB/2010B		
Liên 3: Nội bộ			0003585		
Ngày 12 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh nút xốp Việt Thắng					
Địa chỉ: 80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản:			MST: 0200727018		
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Chị Nguyễn Thị Hằng					
Tên đơn vị: Công ty CPTM & SX Đài Loan					
Địa chỉ: 18 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng.					
Số tài khoản:			MST: 0200493553		
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Đệm nút	Chiếc	120	1.145.839	137.500.680
Cộng tiền hàng:					137.500.680
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		13.750.068	
Tổng cộng tiền thanh toán					151.250.748
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.2.1.1

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung

Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...
07/12	PK 392/12	Chi tiền mua dầu máy cho anh Thành	642	2.872.728	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	281.272	
			111		3.154.000
...
11/12	PK 421/12	Rút TGNH về nhập quỹ	111	500.000.000	
			112		500.000.000
12/12	PK 422/12	Giá vốn bán đệm	632	108.750.240	
			155		108.750.240
12/12	PK 422/12	Thu tiền bán đệm	131	151.250.748	
		Doanh thu bán hàng	511		137.500.680
		Thuế GTGT đầu ra	3331		13.750.068
...
30/12	PK 602/12	Doanh thu bán ga đệm	511		11.200.000
		Thuế GTGT đầu ra	3331		1.120.000
		Thu tiền bán hàng của chị Lan	111	12.320.000	
		...			
		Cộng phát sinh		359.672.384.191	359.672.384.191

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.2

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
Số phát sinh 12/2010							
01/12	PK 351/12	01/12	Doanh thu bán chần ga	112		45.850.960	
02/12	PK 357/12	02/12	Doanh thu bán đệm bông	111		32.400.500	
02/12	PK 358/12	02/12	Doanh thu bán đệm lò xo MiLan	131		11.200.135	
03/12	PK 363/12	03/12	Doanh thu bán đệm nút Smi	131		18.648.750	
03/12	PK 364/12	03/12	Doanh thu bán đệm gấp	111		15.260.840	
04/12	PK 369/12	04/12	Doanh thu bán đệm bông Viko	111		24.056.855	
05/12	PK 375/12	05/12	Doanh thu bán nút trần	111		6.431.648	
12/12	PK 422/12	12/12	Doanh thu bán đệm nút	131		137.500.680	
...	
20/12	PK 470/12	20/12	Doanh thu bán bộ gối đệm	131		12.100.566	
21/12	PK 476/12	21/12	Doanh thu bán đệm gấp	131		312.206.588	
22/12	PK 482/12	22/12	Doanh thu bán đệm lò xo Hankang	131		13.321.950	
...	
31/12	PK 624/12	31/12	Doanh thu bán nút	111		15.487.000	
31/12	PK 645/12	31/12	Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	911	28.235.698.148		
Cộng phát sinh						28.235.698.148	28.235.698.148
Số dư cuối kỳ						-	-

Ngày...tháng...năm 2010

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.3

Công ty TNHH SX&KD nút xóp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm : Đệm nút

TK : 51121

Tên TK : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Doanh thu		
	SH	NT			SL	Đơn Giá	Thành Tiền
						
12/12	HĐ 0003585	12/12	Bán đệm nút cho Cty CPTM&SX Đài Loan	Chiếc	120	1.145.839	137.500.680
13/12	HĐ 0003594	13/12	Bán đệm nút cho Cty CP TM&SX Đài Loan	Chiếc	65	1.145.535	74.459.775
						
24/12	HĐ 0003693	24/12	Bán đệm nút cho cty Thịnh Hưng	Chiếc	18	1.143.920	20.590.560
						
			Tổng cộng				5.647.139.628

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1.4

Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

STT	Mã TK	Tên sản phẩm	Số tiền	
			Nợ	Có
1	51121	Đệm mút	1.265.847.500	1.265.847.500
2	51122	Đệm lò xo	2.857.260.770	2.857.260.770
3	51123	Đệm bông gập	986.858.435	986.858.435
4	51124	Mút trần	759.699.651	759.699.651
5	51125	Chăn ga gối đệm	3.214.368.645	3.214.368.645
			
		Tổng cộng	28.235.698.148	28.235.698.148

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.5

Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng

80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.387.871.557</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
08/12	PK 398/12	07/12	Bán sản phẩm chăn ga gối đệm cho cty Thịnh Hưng	511 3331	15.500.620 1.550.062	
09/12	PK 404/12	09/12	Bán đệm bông gập cho Chị Lệ	511 3331	2.998.550 299.855	
10/12	PK 410/12	10/12	Bán đệm lò xo cho chị Thanh	511 3331	2.554.600 255.460	
12/12	PK 422/12	12/12	Doanh thu bán đệm mút	5112 3331	137.500.680 13.750.068	
16/12	PK 446/12	16/12	Khách hàng trả tiền mua đệm mút	112		100.000.000
17/12	PK 453/12	17/12	Khách hàng trả tiền mua đệm lò xo	112		250.000.000
					
			Cộng phát sinh		23.900.741.090	24.784.795.375
			Số dư cuối kỳ		<u>503.817.277</u>	

Ngày..... tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.6

Công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang Trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S31- DN
ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty TNHH Nội Thất Tiên Mùi

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>50.297.750</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
09/12	PT 886	09/12	Thu tiền hàng ứng trước	111		78.000.000
10/12	HD 0003504	10/12	Bán bộ chăn ga gối đệm	511	7.722.980	
				3331	772.298	
11/12	PT 903	11/12	Thu tiền hàng ứng trước	111	56.000.000	
12/12	HD 0003585	12/12	Bán đệm nút	5112	137.500.680	
				3331	13.750.068	
					
16/12	HD 0003631	16/12	Thu tiền bán hàng	5112	13.291.740	
				3331	1.329.174	
17/12	PT 915	17/12	Thu tiền ứng trước	111		16.000.000
					
			Cộng phát sinh		2.528.756.075	2.487.181.714
			Số dư cuối kỳ		<u>91.872.111</u>	

Ngày..... tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty.

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mứt xốp Việt Thắng hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là bán các sản phẩm về đệm. Do vậy giá vốn của doanh nghiệp bao gồm giá của hàng hoá mua vào và các chi phí thu mua như: chi phí vận chuyển, chi phí kho bãi...

❖ *Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.*

Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế của hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định trị giá thực tế xuất kho trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá của sản phẩm, hàng hoá xuất dùng} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại sản phẩm, hàng hoá xuất kho}$$

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632,156
- Sổ chi tiết TK156

❖ *Tài khoản sử dụng:*

- ✓ TK632: Giá vốn hàng bán

TK 63221 : Giá vốn hàng bán sản phẩm đệm mứt

TK 63222 : Giá vốn hàng bán sản phẩm đệm lò xo

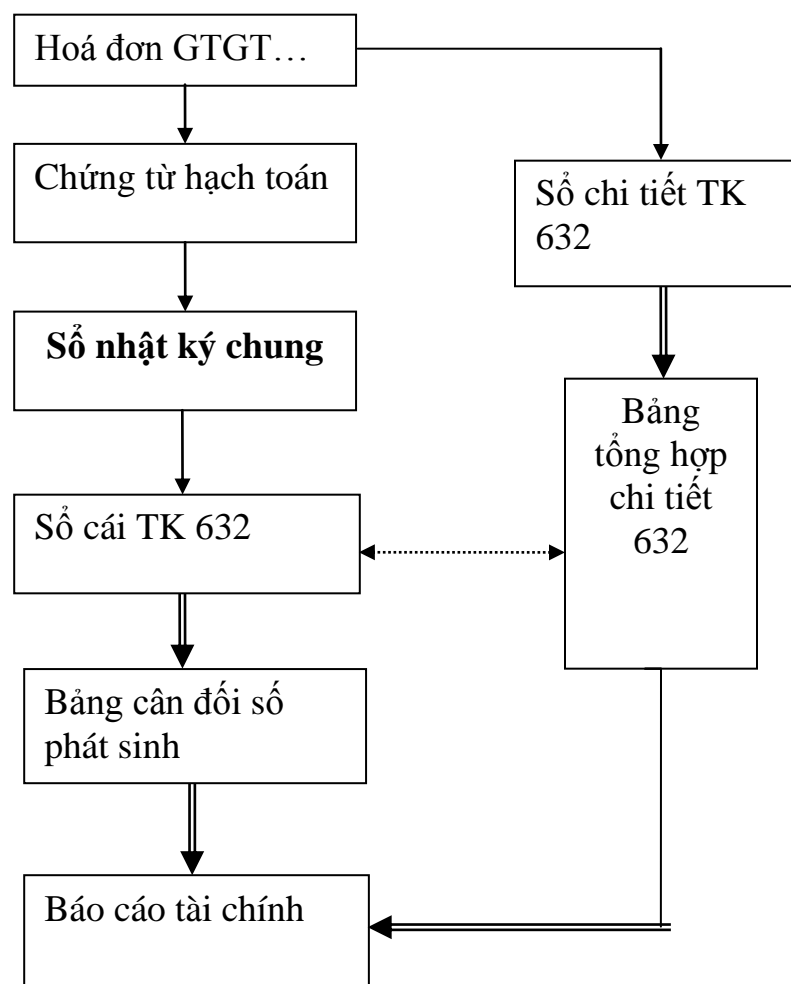
TK 63223 : Giá vốn hàng bán sản phẩm đệm bông gập

TK 63224 : Giá vốn hàng bán sản phẩm mút trần

TK 63225 : Giá vốn hàng bán sản phẩm chăn ga gối đệm

❖ *Quy trình hạch toán*

Sơ đồ 1.11: Hạch toán gián vốn hàng bán



Ghi

chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn GTGT... kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời từ các hoá đơn GTGT... kế toán ghi sổ chi tiết TK 632. Từ nhật ký chung, kế toán ghi các sổ cái TK 632 và các TK liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết TK 632... kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 632 với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu. Sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, căn cứ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Ví dụ : Ngày 12/12/2010 theo hoá đơn GTGT số 0003585 ,công ty bán 120 chiếc đệm mút cho công ty cổ phần thương mại và sản xuất Đài Loan với giá 1.145.839đ/chiếc thuế suất GTGT 10%, tổng giá thanh toán là 151.250.748 chưa thu được tiền, giá vốn xác định được theo phương pháp bình quân liên hoàn: **108.750.240**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0003585 và phiếu xuất kho số 825 (biểu số 2.2.2.1), kế toán lập chứng từ hạch toán số 422/12. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Nợ TK 632 : 108.750.240

Có TK 155 : 108.750.240

Từ chứng từ hạch toán số 422/12 kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.1), và từ nhật ký chung vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.2.2.2). Sau khi số liệu được kiểm tra đối chiếu giữa các sổ cái sẽ được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Số : 825

Họ tên người nhận hàng: Chị Hiền
Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hoá
Xuất tại kho: Kho số 01

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
			Theo CT	Thực xuất			
1	Đệm nút	Chiếc	120	120	906.252	108.750.240	
	Cộng					108.750.240	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Một trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi hai trăm bốn mươi đồng.**

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thuý

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Chị Hiền

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu số 2.2.2.1

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung

Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
...
07/12	PK 392/12	Chi tiền mua dầu	642	2.872.728	
		máy cho anh Thành	133	281.272	
		Thuế GTGT được khấu trừ	111		3.154.000
...
12/12	PK 422/12	Giá vốn bán đệm	632	108.750.240	
			155		108.750.240
12/12	PK 422/12	Thu tiền bán đệm	111	151.250.748	
		Doanh thu bán hàng	511		137.500.680
		Thuế GTGT đầu ra	3331		13.750.068
...
23/12	PK 488/12	Giá vốn bán đệm	632	160.313.565	
		bông gấp	155		160.313.565
23/12	PK 488/12	Doanh thu bán đệm	112	209.171.600	
		bông	511		190.156.000
			3331		19.015.600
		...			
		Cộng phát sinh		359.672.384.191	359.672.384.191

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.2.2.2

Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	
Số phát sinh							
						
06/12	PK 381/12	06/12	Giá vốn chẵn-ga xuất bán	155	9.430.941		
07/12	PK 393/12	07/12	Giá vốn đệm lò xo	155	10.665.120		
08/12	PK 399/12	08/12	Giá vốn bán đệm gấp	155	9.636.480		
						
12/12	PK 422/12	12/12	Giá vốn bán đệm mút	155	108.750.240		
13/12	PK 428/12	13/12	Giá vốn bán mút trần	155	4.302.648		
14/12	PK 434/12	14/12	Giá vốn bán mút trần	155	6.842.978		
			...				
21/12	PK 478/12	21/12	Giá vốn bán đệm Hankang	155	24.504.350		
22/12	PK 483/12	22/12	Giá vốn bán đệm lò xo	155	314.947.320		
31/12	PK 638/12	31/12	Giá vốn bán đệm	155	3.946.520		
31/12	PK 645/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		24.685.924.647	
Cộng phát sinh						24.685.924.647	24.685.924.647
Số dư cuối tháng						-	-

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Kế toán hạch toán chi phí bán hàng trên TK 641

Với đặc thù là chuyên sản xuất, gia công sản phẩm theo đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế. Tại công ty TNHH Việt Thắng không phát sinh nhiều chi phí bán hàng, chi phí bán hàng của công ty chủ yếu là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài.

❖ Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê TSCĐ thuê ngoài thuế, phí, lệ phí, chi phí bằng tiền khác. Tiền lương của nhân viên, công nhân được tính theo thời gian.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi

❖ *Sổ sách sử dụng*

- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ khấu hao
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK641, 642.

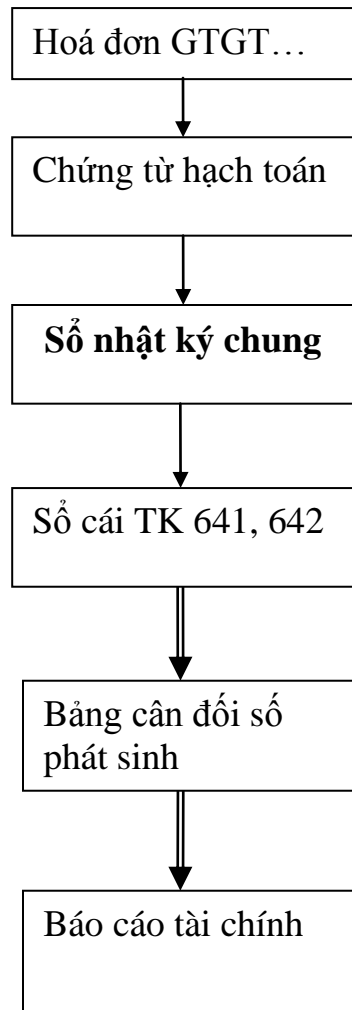
❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 641- Chi phí bán hàng

TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh

❖ *Quy trình hạch toán:*

Sơ đồ 1.12 : Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



❖ **Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn GTGT, phiếu chi... kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán ghi vào sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung, kế toán ghi các sổ cái TK 641, TK 642 và các TK liên quan.

Sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, căn cứ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Ví dụ:

Ngày 02 tháng 12 năm 2010 chi trả tiền mua dầu cho anh Quang lái xe doanh nghiệp là : 2.853.000đ đã bao gồm VAT 10%.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0004019 và phiếu chi số 831, kế toán lập chứng từ hạch toán số 361/12. Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh :

Nợ TK 6421 : 2.598.545

Nợ TK 133 : 254.455

Có TK 111 : 2.853.000

Từ chứng từ hạch toán số 361/12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3.1) và từ nhật ký chung vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.2.3.3).

Sau khi số liệu được kiểm tra đối chiếu giữa các sổ cái sẽ được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Ví dụ

Ngày 02 tháng 12 năm 2010, chi phí cho tiền xuất nhập khẩu hàng hóa là 1.936.365đ.

Căn cứ vào phiếu chi số 831, kế toán lập chứng từ hạch toán số 360/12. Kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh :

Nợ TK 641: 1.936.365

Có TK 1111: 1.936.365

Từ chứng từ hạch toán số 360/12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3.1) và từ nhật ký chung vào sổ cái TK 641 (biểu số 2.2.3.2).

Sau khi số liệu được kiểm tra đối chiếu giữa các sổ cái sẽ được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số: 830

Nợ TK641 : 1.936.365

Có TK111 : 1.936.365

Họ, tên người nhận tiền :

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán chi phí xuất nhập khẩu từ ngày 29/11 đến ngày 07/12

Số tiền : 1.936.365 (viết bằng chữ): **Một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi năm đồng .**

Kèm theo chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ).....

Ngàythángnăm...

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký ,họ tên)	Người lập phiếu (ký ,họ tên)	Người nhận tiền (ký ,họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng ,bạc ,đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Khoá luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			HY/2010B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0004019		
Ngày 02 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TUYẾT MAI.					
Địa chỉ: Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam					
Số tài khoản: MST: 4000379258					
Điện thoại: (0510)877476 – 878208 – Fax: (0510)778836					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thế Quang					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mứt xộp Việt Thắng					
Địa chỉ: 80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản: MST: 0200727018					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Diesel <0.25\$\$	Lít	180	14136,364	2.544.545
Cộng tiền hàng:					2.544.545
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		254.545
Phí xăng dầu(nếu có): 300 (đồng/lít) Tiền phí xăng dầu					54.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.853.000
Số tiền bằng chữ: Hai triệu tám trăm năm ba nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số: 831

Nợ TK6421 : 2.598.545

Nợ TK 133 : 254.455

Có TK111 : 2.853.000

Họ, tên người nhận tiền : Nguyễn Thế Quang

Địa chỉ : Lái xe doanh nghiệp

Lý do chi : Thanh toán tiền mua dầu

Số tiền : 2.853.000 (viết bằng chữ): **Hai triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng chẵn.**

Kèm theo chứng từ gốc.....

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ).....

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký ,họ tên)	Người lập phiếu (ký ,họ tên)	Người nhận tiền (ký ,họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng ,bạc ,đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.2.3.1

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	Số hiệu			Nợ	Có
		Phát sinh trong kỳ			
...
02/12	PK 360/12	Thanh toán chi phí xuất nhập khẩu	641	1.936.365	
			111		1.936.365
02/12	PK 361/12	Chi tiền mua dầu cho anh Quang	6421	2.598.545	
			133		254.455
			111	2.853.000	
03/12	PK 365/12	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt	111	500.000.000	
			112		500.000.000
...
27/12	PK 512/12	Nhập kho vải may dệt	152	32.250.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	3.225.000	
		Trả bằng tiền mặt	111		35.475.000
...
30/12	PK 625/12	Doanh thu bán dệt lò xo	131	19.760.570	
			511		17.964.150
			3331		1.796.415
31/12	PK 639/12	Xuất kho vải may dệt	621	29.641.850	
			152		29.641.850
.....
		Cộng phát sinh		359.672.384.191	359.672.384.191

(Nguồn phòng kế toán)

Biểu số 2.2.3.3

Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
				
PK 360/12	02/12	Chi phí xuất nhập khẩu	111	1.936.365	
PK 366/12	03/12	Chi phí mua ngoài	111	47.173.330	
PK 382/12	06/12	Chi phí dụng cụ bán hàng	153	24.539.845	
PK 454/12	17/12	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	49.978.991	
				
PK 645/12	31/12	Kết chuyển CPBH	911		921.171.110
		Cộng phát sinh		921.171.110	921.171.110

Ngày..... tháng.....năm 2010

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3.4

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
Số phát sinh							
02/12	PK 361/12	02/12	Chi tiền mua dầu cho anh Quang	111	2.598.545		
02/12	PK 362/12	02/12	Chi tiền cho chị Hà đi công tác	111	2.000.000		
03/12	PK 367/12	03/12	Thanh toán cước phí xăng dầu	111	545.455		
06/12	PK 383/12	06/12	Phí quản lý kho hàng	111	1.560.000		
07/12	PK 394/12	07/12	Chi tiền mua dầu cho anh Hoan	111	2.872.728		
...	
31/12	PK 641/12	31/12	Chi tiếp khách	111	4.166.664		
31/12	PK 642/12	31/12	Cước di động viettel	111	850.113		
31/12	PK 643/12	31/12	Thanh toán cước phí xăng dầu	111	7.405.000		
						
31/12	PK 645/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		702.446.528	
Cộng phát sinh						702.446.528	702.446.528

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Về hoạt động tài chính, doanh nghiệp không có hoạt động tài chính. Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Sổ sách sử dụng:***

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635

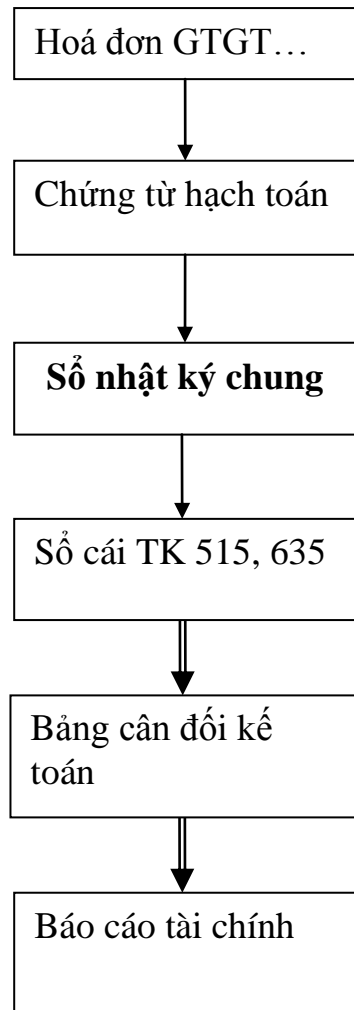
❖ ***Tài khoản sử dụng:***

- TK 515- Doanh thu Tài chính
- TK 635-Chi phí tài chính

Tài khoản 515, 635 được mở theo tháng để theo dõi.

❖ ***Quy trình hạch toán***

Sơ đồ 1.13: Hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính



Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ, kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung rồi ghi vào sổ cái các TK liên quan.

Cuối kỳ, kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 515, 635 sau đó lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Ví dụ

- Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Vietcombank gửi phiếu báo nợ thông báo thu lãi tiền vay tháng 12, số tiền là 5.267.283.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2010, Vietcombank gửi phiếu báo có thông báo công ty được hưởng 1 khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng là 235.075. Số tiền lãi trên được chuyển vào số tiền gửi của công ty tại ngân hàng.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên tiến hành ghi Nhật ký chung (biểu số 2.2.4.1), đồng thời căn cứ vào đó để ghi vào sổ cái TK 635 (biểu số 2.2.4.2), và sổ cái TK 515 (biểu số 2.2.4.3).

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
VIETCOMBANK

VIETCOMBANK
PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG

Địa chỉ : 80 QUANG TRUNG – HỒNG BÀNG – HẢI PHÒNG

Mã số thuế : 0200727018

Số tài khoản : 0031000692191

Số ID khách hàng : 20217542

Loại tiền : VND

Loại TK : TIỀN GỬI THANH TOÁN

Số khế ước : 02536

Số bút hạch toán: LD0824102536\HPG;0

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau :

Nội dung	Số tiền
Thu nợ lại (LD-IN)	5.267.283
Tổng số tiền	5.267.283

Số tiền bằng chữ : *Năm triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi ba VND.*

Trích yếu : Thu nợ lại (LD – IN)

Giao dịch viên

Kiểm soát

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
VIETCOMBANK

VIETCOMBANK
PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : CÔNG TY TNHH SX & KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG

Địa chỉ : 80 QUANG TRUNG – HỒNG BÀNG – HẢI PHÒNG

Mã số thuế : 0200727018

Số tài khoản : 0031000692191

Số ID khách hàng : 20217542

Loại tiền : VND

Loại TK : TIỀN GỬI THANH TOÁN

Số bút hạch toán: LD0824102536\HPG;0

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau :

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi	235.075
Tổng số tiền	235.075

Số tiền bằng chữ : *Hai trăm ba mươi năm ngàn không trăm bảy mươi năm VND.*

Trích yếu : Lãi nhập gốc

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.2.4.1

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		PS trong kỳ			
...
01/12	PK 352/12	Trả lãi kế ước	6351 112	4.467.867	4.467.867
01/12	PK 353/12	Nhập kho vải may đệm	152 133 111	45.690.290 4.569.029	50.259.913
...
29/12	PK 524/12	Trả lãi kế ước	635 112	5.267.283	5.267.283
30/12	PK 605/12	Nhập lãi tiền gửi	112 515	235.075	235.075
30/12	PK 625/12	Doanh thu bán đệm	131 511 3331	19.760.570	17.964.150 1.796.415
31/12	PK 639/12	Xuất kho vải may đệm	621 152	29.641.850	29.641.850
.....
		Cộng phát sinh		359.672.384.191	359.672.384.191

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.2.4.2

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 635

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
Số phát sinh						
01/12	PK 354/12	01/12	Trả lãi kế ước	112	4.467.867	
02/12	PK 355/12	02/12	Phí chuyển khoản	112	11.000	
05/12	PK 376/12	05/12	Trả lãi kế ước	112	1.526.587	
07/12	PK 395/12	07/12	Phí chuyển khoản	112	70.000	
			...			
29/12	PK 525/12	29/12	Trả lãi kế ước	112	5.267.283	
30/12	PK 604/12	30/12	Phí lãi vay ngắn hạn	112	10.631.462	
...
31/12	PK 645/12	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC	911		1.226.207.148
Cộng phát sinh					1.226.207.148	1.226.207.148

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.4.3

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng

80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
Số phát sinh							
31/10	PK 186/12	31/10	Lãi tiền gửi T10	112		724.582	
30/11	PK 345/12	30/11	Lãi tiền gửi T11	112		754.841	
31/12	PK 605/12	31/12	Lãi tiền gửi T12	112		235.075	
31/12	PK 645/12	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	911	162.212.364		
Cộng phát sinh						162.212.364	162.212.364

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

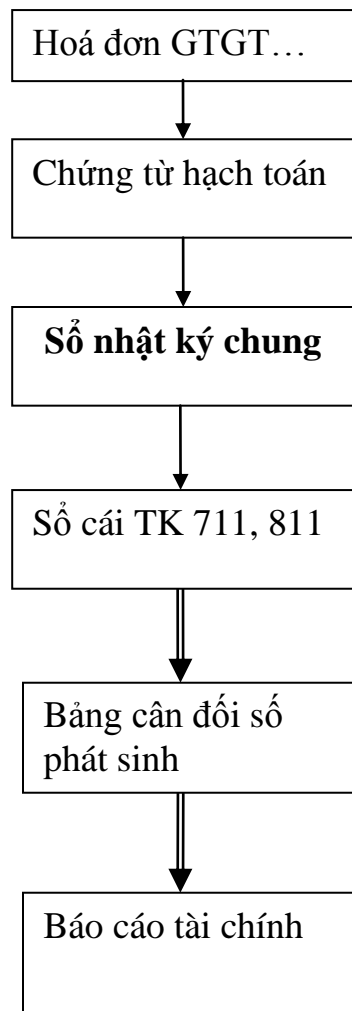
- Hoá đơn GTGT , Hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ...

❖ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 711 : Thu nhập khác
- TK 811 : Chi phí khác

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 1.14 :Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ, kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán ghi vào sổ nhật ký chung rồi ghi vào sổ cái các TK liên quan.

Cuối kỳ, kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 711, 811 sau đó lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Ví dụ :

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0003614 ngày 24 tháng 12 về việc công ty thu khoản tiền chờ khách là 1.375.000 (bao gồm cả thuế GTGT). Kế toán viết phiếu thu số 917 và lập phiếu PK 497 rồi tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.5.1), căn cứ vào đó để ghi vào sổ cái TK 711 (biểu số 2.2.5.2) .

Ví dụ :

Ngày 25 tháng 12 năm 2010 công ty nhượng một ô tô con 5 chỗ ngồi cho ông Nguyễn Tường Quân.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 214	:69.802.760
Nợ TK 811	: 300.688.240
Có TK 2114	: 370.491.000
Nợ TK 131	:424.529.600
Có TK 711	: 385.936.000
Có TK 3331	: 38.593.600

Hai bên sẽ tiến hành lập biên bản bàn giao TSCĐ ,có Hoá đơn GTGT, bản sao đăng ký xe ô tô.

Kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.5.1), rồi vào sổ cái TK 811 (Biểu số 2.2.5.3) .

Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung-Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU

Số: 917

Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 131 : 1.375.000

Có TK 711 : 1250.000

Có TK 3331: 125.000

Họ, tên người nộp tiền: Trần Minh Thắng

Địa chỉ: Công ty Xuất Nhập Khẩu Đầu tư Cát Tường

Lý do: Thanh toán tiền cước xe Hải Phòng – Hưng Yên

Số tiền: 1.375.000 (viết bằng chữ) **Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.**

Kèm theo: 01 HĐGTGT chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	phiếu	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
		(Ký, họ tên)		

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AB/2010B		
Liên 3: Nội bộ			0003614		
Ngày 24 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng					
Địa chỉ: 80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản: MST: 0200727018					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng : Trần Minh Thắng					
Tên đơn vị: Công ty Xuất Nhập Khẩu Đầu tư Cát Tường					
Địa chỉ: Hưng yên					
Số tài khoản: MST: 0502000083					
Hình thức thanh toán:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước xe Hải Phòng – Hưng Yên	Chuyến	1	1.250.000	1.250.000
Cộng tiền hàng:					1.250.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	125.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.375.000
Số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Hoá đơn Giá trị gia tăng Liên 3: nội bộ Ngày 25 tháng 12 năm 2010		Mẫu số:01 GTKT-3LL AB/2010B 0003620			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng Địa chỉ: :80 Quang Trung – Hồng Bàng - Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:.....MST: 0200727018					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tường Quân Địa chỉ: Số 54/266 Trần Nguyên Hãn - Lê chân- Hải Phòng Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: MS:					
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chuyển nhượng xe ô tô con 5 chỗ ngồi	Chiếc	1	385.936.000	385.936.000
Cộng tiền hàng					385.936.000
Thuế suất GTGT: ...10%		Tiền thuế GTGT:		38.593.600	
Tổng cộng tiền thanh toán:					424.529.600
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng .					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.5.1

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ nhật ký chung
Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		...			
01/12	PK 349/12	Trả lãi khế ước	6351 112	4.467.867	4.467.867
01/12	PK 350/12	Nhập kho vải may đệm	152 133 111	45.690.620 4.569.062	50.259.682
		...			
03/12	PK 368/12	Phí chuyển khoản số tiền 20 triệu đồng	6352 112	11.000	11.000
...
23/12	PK 490/12	Thu nhập từ nhượng bán thanh lý trong kỳ	111 711	2.000.000	2.000.000
		...			
24/12	PK 494/12	Cước xe Hải Phòng-Hưng Yên	111 711	1.375.000	1.375.000
25/12	PK 497/12	Nhượng bán ô tô con 5 chỗ ngồi	214 811 211 131 711 3331	69.802.760 300.688.240	370.491.000 385.936.000 38.593.600
		...			
31/12	PK 636/12	Chi phí mua ngoài	642 111	2.405.000	2.405.000
.....
		Cộng phát sinh		359.672.384.191	359.672.384.191

Ngày...tháng...năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.5.2

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

TK : 711

Tên tài khoản: Thu nhập khác
Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	SH	NT			Nợ	Có	
Số phát sinh 12/2010							
23/12	PK 491/12	23/12	Thu nhập từ nhượng bán thanh lý trong kỳ	111		2.000.000	
24/12	PK 494/12	24/12	<i>Cước xe Hải Phòng-Hưng Yên</i>	111		<i>1.375.000</i>	
25/12	PK 497/12	25/12	<i>Chuyển nhượng xe oto con 5 chỗ ngồi</i>	131		<i>385.936.000</i>	
27/12	PK 513/12	27/12	Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán	111		54.043.964	
			...				
31/12	PK 645/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	911	625.715.422		
Cộng phát sinh						525.715.422	525.715.422

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Công ty TNHH SX&KD nút xốp Việt Thắng
80 Quang Trung – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh trong kỳ			
PK459/12	18/12	Chi phí thanh lý TSCĐ	111	500.000	
PK 497/12	25/12	Nhượng bán ô tô con 5 chỗ ngồi	211	300.688.240	
PK607/12	30/12	Chi phí phải trả khác	331	44.877.292	
PK645/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		445.377.292
		Cộng phát sinh		445.377.292	445.377.292

Ngày..... tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán hạch toán xác định kết quả kinh doanh trên TK 911, TK 421.

Cuối mỗi quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

Nếu số phát sinh bên Có TK 911 nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 911 thì kế toán công ty thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421.

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu số phát sinh bên Có TK 911 lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 911 chứng tỏ trong năm doanh nghiệp làm ăn có lãi, kế toán công ty thực hiện bút toán kết chuyển lãi sang bên Nợ TK 421.

Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà Nước như sau :

- Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên nợ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hau được ghi giảm.

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421

Nợ TK 911

Có TK 421

Cuối năm kế toán toán tổng hợp số liệu cả năm để lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 911, 421, 821

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK911 – Xác định kết quả kinh doanh:

Dùng để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái liên quan, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi

phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Ví dụ Kết quả kinh doanh của công ty Quý IV năm 2010 được xác định như sau : để xác định được kết quả kinh doanh kế toán tiến hành tổng hợp số liệu và tiến hành các bút toán kết chuyển.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính:

Nợ TK 511 : 28.235.698.148

Nợ TK 515 : 162.212.364

Nợ TK 711: 525.715.422

Có TK 911: 28.923.625.934

- Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính:

Nợ TK911: 27.981.126.725

Có TK 632: 24.685.924.647

Có TK 641: 921.171.110

Có TK 642: 702.446.528

Có TK 635: 1.226.207.148

Có TK 811 : 445.377.292

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :

$(28.923.625.934 - 27.981.126.725) * 25\% = 235.624.802$

Nợ TK821: 235.624.802

Có TK 3334: 235.624.802

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK911: 235.624.802

Có TK821: 235.624.802

- Kết chuyển lãi :

Nợ TK911: 706.874.407

Có TK421: 706.874.407

Từ Chứng từ hạch toán, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.6.1) đồng thời vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.2.6.2)

Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng

Số : PK 645 /12 TCKT

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

- Căn cứ quy chế tài chính của công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng.
- Căn cứ vào các sổ cái TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811
- Căn cứ vào các chứng từ có liên quan

Nay phòng tài chính công ty hạch toán để xác định kết quả kinh doanh như sau :

+ Kết chuyển doanh thu, thu nhập:

Nợ TK 511 : 28.235.698.148

Nợ TK 515 : 162.212.364

Nợ TK 711: 525.715.422

Có TK 911: 28.923.625.934

+ Kết chuyển chi phí, xác định lãi lỗ:

Nợ TK911: 27.981.126.725

Có TK 632: 24.685.924.647

Có TK 641: 921.171.110

Có TK 642: 702.446.528

Có TK 635: 1.226.207.148

Có TK 811 : 445.377.292

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.2.6.1

Công ty TNHH SX & KD nút xốp Việt Thắng

Địa chỉ :Số 80 Quang Trung – Hồng Bàng – HP

Mẫu số S03a – DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			PS trong kỳ			
					
31/12	PK 645/12	31/12	Kc doanh thu bán hàng	511 911	28.235.698.148	28.235.698.148
31/12	PK 645/12	31/12	Kc doanh thu tài chính	515 911	162.212.364	162.212.364
31/12	PK 645/12	31/12	Kc thu nhập khác	711 911	525.715.422	525.715.422
31/12	PK 645/12	31/12	Kc giá vốn hàng bán	911 632	24.685.924.647	24.685.924.647
31/12	PK 645/12	31/12	Kc chi phí bán hàng	911 641	921.171.110	921.171.110
31/12	PK 645/12	31/12	Kc chi phí quản lý DN	911 642	702.446.528	702.446.528
31/12	PK 645/12	31/12	Kc chi phí tài chính	911 635	1.226.207.148	1.226.207.148
31/12	PK 645/12	31/12	Kc chi phí khác	911 811	445.377.292	445.377.292
			Cộng PS		359.672.384.191	359.672.384.191

Ngày..... tháng.....năm.....

Người lập sổ
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.6.2

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Số 80 Quang Trung – Hồng Bàng – HP

Mẫu số S03b – DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ

BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản : 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
Số phát sinh						
31/12	PK645/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		28.235.698.148
31/12	PK645/12	31/12	K/c doanh thu tài chính	515		162.212.364
31/12	PK645/12	31/12	K/c thu nhập khác	711		525.715.422
31/12	PK645/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	24.685.924.647	
31/12	PK645/12	31/12	K/c chi phí tài chính	635	1.226.207.148	
31/12	PK645/12	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	921.171.110	
31/12	PK645/12	31/12	K/c chi phí quản lý DN	642	702.446.528	
31/12	PK645/12	31/12	K/c chi phí khác	811	445.377.292	
31/12	PK646/12	31/12	K/c thuế TNDN	821	235.624.802	
31/12	PK647/12	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	421	706.874.407	
Cộng phát sinh					28.923.625.934	28.923.625.934

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

CHƯƠNG III:

**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MÚT XÓP
VIỆT THẮNG.**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng. Bởi lẽ, nó liên quan đến việc xác định kết quả các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho NSNN. Đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng...cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động về hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Về hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “sổ nhật ký chung”. Đây là hình thức sổ được áp dụng khá phổ biến. Hình thức sổ kế toán này có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với trình độ kế toán của công ty.

Doanh nghiệp đang áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp. Mặt khác, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp này theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất giúp cho việc quản lý dễ dàng hơn, chính xác hơn và có kế hoạch

cung cấp hàng hoá hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn, đồng thời không bị ứ đọng hàng hoá trong kho.

Về mô hình kế toán: công ty áp dụng mô hình kế toán tập chung. Mọi chứng từ, sổ sách đều được tập chung về phòng kế toán chịu sự hướng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Mô hình này đảm bảo được sự giám sát kiểm tra của kế toán trưởng và sự lãnh đạo kịp thời của ban giám đốc. Nhìn chung, các số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng đúng trình tự. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan được thuận lợi.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng. Cơ cấu này đảm bảo cho việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề quản lý phát sinh trong quá trình điều hành.

3.1.1. Ưu điểm:

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phần hành kế toán này tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng em nhận thấy có những ưu điểm sau:

➤ Về tổ chức bộ máy quản lý

Liên tục trong những năm gần đây, công ty đã có nhiều bước cải tiến, đổi mới phương thức tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và thị trường. Bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, quy trình làm việc khoa học và hiệu quả. Hoạt động thị trường, tiêu thụ sản phẩm được đẩy mạnh với một chiến lược phát triển lâu dài cả về chiều rộng và chiều sâu. Việc đầu tư đổi mới công nghệ đa dạng sản phẩm, nắm bắt được xu thế phát triển mà trong những năm gần đây công ty vẫn đặc biệt chú trọng.

➤ Về tổ chức công tác kế toán

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại phòng kế toán công ty em nhận thấy công ty là một doanh nghiệp đã áp dụng và hoàn thành tốt chế độ kế toán mới và đã có sáng tạo, cụ thể là:

- ***Bộ máy kế toán***

Xuất phát từ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

Hầu hết các công việc liên quan đến hạch toán kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán từ thu nhập, kiểm tra chứng từ đến xử lý ghi sổ, lập báo cáo kế toán. Do tính tập trung như vậy, bộ máy kế toán có thể nắm được toàn bộ thông tin kế toán, trên cơ sở đó việc đánh giá kiểm tra các quyết định là đúng đắn và kịp thời.

- ***Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:***

Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế, nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như : Phiếu thu, phiếu chi... có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

❖ ***Về sổ sách:***

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy.

❖ ***Về hệ thống tài khoản:***

Hệ thống tài khoản áp dụng trong công ty hiện nay là hệ thống tài khoản do Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 15 ngày 20/03/2006. Hệ thống tài khoản kế toán được sử dụng phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quyết định của Nhà nước.

❖ ***Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh***

+ Về tổ chức kế toán doanh thu :

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Về công tác kế toán chi phí :

Chi phí là một vấn đề mà các nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và

chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế sau:

❖ Về bộ máy kế toán:

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý mà vẫn sử dụng các phương pháp ghi chép sổ sách kế toán thủ công. Vì vậy, đôi lúc vẫn chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cho người quản lý.

Ảnh hưởng:

- Công kế toán còn gặp nhiều hạn chế, thao tác thường bị chậm, kết quả tính toán chưa chính xác.
- Hệ thống sổ sách kế toán thủ công, chứng từ lưu nhiều, phức tạp nên việc lấy lại những thông tin cũ thường bị mất rất nhiều thời gian, công sức.

Đồng thời, số lượng nhân viên kế toán còn ít và chưa có nhiều kinh nghiệm nên cũng ảnh hưởng phần nào đến tiến độ công việc.

❖ Về áp dụng các khoản trích theo lương:

Doanh nghiệp vẫn áp dụng các khoản trích theo lương theo quy định cũ, cụ thể là

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Doanh nghiệp (Tính vào chi phí)
1.Quỹ BHXH	5%	15%
2.Quỹ BHYT	1%	2%
3.Quỹ KPCĐ	0%	2%
Cộng	6%	19%

Các khoản trích theo lương này vẫn chưa áp dụng đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành có hiệu lực từ 01/01/2010. Do vậy doanh nghiệp nên tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ để tạo động lực cho người lao động hăng say làm việc.

- ❖ **Về chính sách ưu đãi cho khách hàng:** Hiện nay doanh nghiệp chưa có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao hiệu quả năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.
- ❖ **Về sổ sách:** Doanh nghiệp nên bổ sung thêm một số mẫu sổ sách kế toán như : Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán và sổ chi phí sản xuất kinh doanh để việc theo dõi hoạt động kinh doanh được hiệu quả hơn.
- ❖ **Trích lập các khoản dự phòng:** khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng thanh toán lại chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn, tuy nhiên Công ty chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng cho khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho nên không lường trước được rủi ro trong kinh doanh. Điều này sẽ gây đột biến chi phí kinh doanh, phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh, sai nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

✓ Sự cần thiết phải hoàn thiện

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết, thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho

toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán, để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua vào đến khâu tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quá trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của doanh nghiệp.

✓ Nguyên tắc hoàn thiện

Với yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí. Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao thì càng chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, hoạt động kinh tế phát triển, nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

✓ **Nội dung hoàn thiện.**

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng, em nhận thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp đã tuân thủ theo đúng chế độ của nhà nước, tương đối phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn còn một số vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý và chưa thật tối ưu. Với góc độ là một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm cải thiện hơn công tác kế toán tại doanh nghiệp như sau:

Kiến nghị 1: Về phần mềm kế toán:

Doanh nghiệp nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán.

Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán của toàn doanh nghiệp.

+ Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, máy sẽ tự xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

Kiến nghị 2: Về hạch toán chi phí tiền lương

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa doanh nghiệp với người lao động, cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho họ. Hàng tháng tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định bắt đầu từ ngày 01/01/2010 theo quy định của Bộ tài chính.

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Doanh nghiệp (Tính vào chi phí)
1.Quỹ BHXH	6%	16%
2.Quỹ BHYT	1.5%	3%
3.Quỹ BHTN	1%	1%
4.Quỹ KPCĐ	0%	2%
Cộng	8.5%	22%

Kiến nghị 3: Về việc thực hiện chính sách ưu đãi với khách hàng:

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm. để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại .

Chiết khấu thương mại : là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hoá.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau :

- Đối với khách hàng thường xuyên kí kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 – chiết khấu thương mại. khi hoạch toán phải đảm bảo : chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng.

Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi trực tiếp giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau :

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp.

Có TK 111, 112 – thanh toán ngay.

Có TK 131 – phải thu của khách hàng.

Cuối kỳ tổng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521 – chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – chi phí hoạt động tài chính.

Kiến nghị 4: Doanh nghiệp nên mở sổ chi tiết đầy đủ. Nhờ vậy, doanh nghiệp sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong công việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.

Mở sổ theo dõi chi tiết phải thu khách hàng

Theo dõi các khoản phải thu khách hàng là công việc quan trọng của mỗi công ty vì thế kế toán công ty nên bổ sung thêm sổ theo dõi chi tiết phải thu khách hàng theo mẫu quy định để theo dõi tình hình tăng, giảm, thanh toán nợ phải thu một cách cụ thể, rõ ràng. Đối với khách hàng nước ngoài công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán bằng ngoại tệ để phản ánh, nắm bắt khoản phải thu chính xác, đầy đủ.

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S31- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Dùng cho TK: 131,331

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	3	4	5	
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
								
			Cộng số phát sinh	x	x			x	x
			Số dư cuối kỳ	x	x	x	x		

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....A:C

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

✓ **Kiến nghị 5 : Lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Nợ phải thu khó đòi là các khoản phải thu mà vì một lý do nào đó người nợ không có khả năng thanh toán đúng kỳ hạn và đầy đủ trong năm kế hoạch. Do công ty thực hiện nhiều phương thức thanh toán: thanh toán ngay, thanh toán trả chậm... nên rất dễ xảy ra tình trạng thu hồi nợ chậm, thậm chí không thu hồi được khoản nợ đó. Điều đó sẽ vi phạm nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Để đảm bảo nguyên tắc này thì kế toán phải trích trước các khoản dự phòng cho khoản nợ có thể không thu hồi được vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ, tránh trường hợp nợ không đòi được trong kỳ lớn sẽ làm ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập các báo cáo tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi phải tuân theo quy định của chế độ tài chính doanh nghiệp

Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên số dư của TK 139 so với số dự phòng cần phải trích lập cho năm tiếp theo

Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập năm trước, thì Công ty phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch giữa số phải trích lập cho năm sau với số dư dự phòng đã trích lập năm trước, bút toán ghi sổ:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

Nếu số dự phòng phải trích năm sau thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì Công ty phải hoàn nhập vào thu nhập khác phần chênh lệch giữa số dư khoản dự phòng đã trích lập năm trước với số dư dự phòng phải trích lập cho năm sau

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ. Công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 139 - Số nợ xoá sổ đã được lập dự phòng

Nợ TK 642 – Số nợ xoá sổ chưa được lập dự phòng

Có TK 131 - Số nợ phải thu của khách hàng được xoá

Có TK 138 - Số nợ phải thu của khách hàng chưa được xoá

Đồng thời ghi: Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xoá nợ, Công ty vẫn phải theo dõi riêng trên sổ sách trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, Công ty hạch toán vào thu nhập khác

Nợ TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 - Số nợ được thu hồi

: Công ty phải theo dõi và thu hồi nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

+ Đối với những tài khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%.

+ Đối với các khoản nợ khó đòi từ 1 đến 2 năm mức trích lập là 50%.

+ Đối với các khoản nợ khó đòi từ 2 đến 3 năm mức trích lập là 70%.

+ Các khoản nợ khó đòi trên 3 năm mức trích lập là 100%.

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu khó đòi phải cso bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc, giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn đọng chưa bao gồm: hợp đồng kinh tế, khuế ước vay nợ.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khuế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể mất tích bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trình lập dự phòng phải thu khó đòi.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng muốn tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với những nhà đầu tư.

Khoá luận “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thăng” đã nêu các vấn đề cơ bản sau:

1. Về lý luận: Khoá luận đã trình bày những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
2. Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH

Sản xuất và kinh doanh mứt xốp Việt Thắng. Đồng thời sử dụng số liệu tháng 12 năm 2010 để chứng minh cho các lập luận nêu trên.

3. Về kiến nghị: Khoá luận đã nêu lên một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

Với thời gian thực tập không nhiều, kiến thức bản thân có hạn nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Th.S Nguyễn Văn Thụ, các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mứt xốp Việt Thắng đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Tài liệu tham khảo

- 1.Kế toán tài chính (áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam, nhà xuất bản thống kê 2001).
- 2.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính.
- 3.Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính - Chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
- 4.Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị.
- 5.Số liệu, sổ sách kế toán năm 2010 của Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.
- 6.Quản trị tài chính doanh nghiệp - Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
- 7.Các tài liệu tham khảo khác.